



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 08/2021

Từ 22/02 - 26/02/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

6 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII

Văn phòng Trung ương Đảng vừa gửi tới các cơ quan báo chí toàn văn Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nghị quyết xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII. Cụ thể:



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng thay mặt Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII phát biểu ý kiến tại phiên bế mạc Đại hội Đảng lần thứ XIII, sáng 1/2. Ảnh VGP

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, tập trung kiểm soát đại dịch COVID-19, tiêm chủng đại trà vắc-xin COVID-19 cho cộng đồng; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; có chính sách hỗ trợ

hiệu quả doanh nghiệp trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.

Thứ ba, giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiên tiến lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

Thứ tư, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

Thứ năm, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ sáu, quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt.

Nguồn: baohinhphu.vn

CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 -2030 THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII

Trong toàn văn Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng được Văn phòng Trung ương Đảng vừa gửi tới các cơ quan báo chí chiều ngày 25/02 đã nêu lên các định hướng lớn về phát triển đất nước trong giai đoạn 2021 - 2030.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm

Cụ thể, theo Nghị quyết, định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 xác định, về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỉ lệ đô thị hoá khoảng 45%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.

Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 74,5 tuổi; tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Về môi trường: Đến năm 2025, tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100%, nông thôn là 93 - 95%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định 42%.

Khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển

Nghị quyết cũng nêu lên định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kíp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây

dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và công tác dân vận của Đảng.

Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Trong nhận thức và giải quyết các quan hệ lớn, cần chú trọng hơn đến bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BƯỚC TIÊN QUAN TRỌNG HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ

Việc khai trương Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là một mốc lớn, là bước tiến quan trọng của chúng ta trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số; tạo nền tảng hình thành công dân số trên không gian mạng. Thủ tướng Chính phủ tin tưởng, Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống Sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân sẽ được người dân, doanh nghiệp đón nhận, nhiệt tình hưởng ứng và ủng hộ.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh điều này tại lễ khai trương Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống Sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân vào chiều ngày 25/02.

Tiết kiệm hàng nghìn tỷ đồng

Đây là dự án công nghệ thông tin lớn nhất từ trước đến nay, khi đi vào hoạt động, 2 hệ thống sẽ hỗ trợ đơn giản hóa, giảm thủ tục hành chính. Qua nghiên cứu, phân tích của các chuyên gia, dự tính tổng chi phí người dân, doanh nghiệp tiết kiệm được hàng năm khi tích hợp, thực hiện 8 thủ tục hành chính trên công dịch vụ công quốc gia lên tới gần 5.000 tỷ đồng/năm.

Sau một thời gian triển khai, đến nay, cơ bản đã hoàn thành việc thu thập thông tin dân cư trên toàn quốc, bảo đảm thông tin dân cư chính xác, cập nhật thường xuyên theo nguyên tắc

“đúng, đủ, sạch, sống”. Từ dữ liệu dân cư đã thu thập, người dân không phải mang bất kỳ loại giấy tờ (cắt giảm chi phí in tài liệu cho dân), cán bộ thu nhận không phải đánh máy nhập liệu (tiết kiệm thời gian cho cán bộ thực hiện việc thu nhận hồ sơ cấp căn cước công dân).

Phát biểu tại lễ khai trương, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nêu rõ, việc hoàn thành xây dựng 2 hệ thống nêu trên thể hiện quyết tâm lớn lao, nỗ lực mạnh mẽ của cả Chính phủ, đặc biệt là Bộ Công an, các Bộ, ngành, cơ quan trong triển khai thực hiện Luật Căn cước công dân, Luật Cư trú, Luật Hộ tịch, đồng thời thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam về việc xây dựng một Chính phủ liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp và cũng là kết quả thiết thực, một công trình lớn, quan trọng chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Quán triệt các Nghị quyết của Đảng, thời gian vừa qua, việc xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số được triển khai quyết liệt, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực. Thể chế chính sách và nhiều hệ thống nền tảng cho Chính phủ điện tử đã được quan tâm xây dựng, một số hệ thống lớn đã được tập trung thiết lập, đưa vào vận hành và đạt được kết quả bước đầu khả quan, bắt kịp những thay đổi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như các nền tảng do Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ xây dựng trước đây và Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống Sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân được khai trương hôm nay.

“Có thể nói, sau trên 10 năm kiên trì của 2 nhiệm kỳ và nhất là 2 năm gần đây, với sự tập trung cao độ, các đồng chí đã có nhiều sáng kiến, sáng tạo trong chỉ đạo cụ thể”, Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao nỗ lực của Bộ Công an trong xây dựng 2 hệ thống. Trong điều kiện khó khăn, do tác động của COVID-19, các cán bộ, chiến sĩ công an từ Trung ương tới cơ sở làm việc không quản ngày đêm, thu thập, cập nhật, bổ sung thông tin dân cư. Đến nay đã thu thập, chuẩn hóa dữ liệu của hơn 90 triệu dân, đạt trên 92% dân số, kết nối, chia sẻ với các Bộ, ngành, địa phương thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia và sẵn sàng đi vào hoạt động, bảo đảm các tiêu chí hiện đại, đồng bộ, bảo mật cao, tránh lãng phí.

Đặc biệt, Bộ Công an đã triển khai song song, lồng ghép 2 dự án, qua đó tiết kiệm cho Nhà nước hơn 1.000 tỷ đồng, bảo đảm hiệu quả, tiến độ đề ra.

Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống Sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân đi vào hoạt động sẽ cung cấp các thông tin cơ bản có đầy đủ tính pháp lý về công dân. Thay vì người dân, doanh nghiệp phải khai báo, nộp, chứng thực các giấy tờ khi thực hiện các giao dịch với cơ quan Nhà nước thì các thông tin đó sẽ được trích xuất tự động khi thực hiện các giao dịch hoặc các cơ quan nhà nước tra cứu, khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, từ đó giúp giảm bớt thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm chi phí giấy tờ, thời gian xác minh, đi lại cho công dân. Đây cũng thể hiện quan điểm xuyên suốt của Chính phủ trong việc lấy người dân làm trung tâm, đồng thời lan tỏa, truyền cảm hứng đến người dân và toàn xã hội muốn làm, cùng làm đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin.

Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng các hệ thống phát triển Chính phủ điện tử, giúp thay đổi phương thức quản lý công

dân từ thủ công sang hiện đại, thực hiện việc quản lý dân cư thông qua mã định danh cá nhân, giúp giải quyết cơ bản vấn đề định danh, xác thực điện tử cho công dân trong thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, góp phần đổi mới công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, hỗ trợ đắc lực cho nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Nhân dịp này, Thủ tướng Chính phủ cũng đánh giá cao sự tham gia, phối hợp tích cực của các Bộ, ngành, cơ quan, các địa phương, cũng như đánh giá cao sự nỗ lực của các nhà thầu, các doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam, trong đó có Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) đã tham gia tích cực, có hiệu quả vào các dự án.

Tạo hành lang pháp lý trong vấn đề danh tính số

Thủ tướng Chính phủ nhân mạnh, sự phát triển mạnh mẽ của kỹ nguyên số sẽ giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn nữa vào nền kinh tế thế giới, thúc đẩy thay đổi mô hình tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tăng năng suất xã hội và năng lực cạnh tranh. Do đó, chúng ta cần đẩy nhanh nắm bắt và ứng dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ trên tất cả các lĩnh vực, đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong quản lý Nhà nước nói chung, trong quản lý dân cư nói riêng, tạo một hệ thống thông tin “công dân số” trong tất cả các ngành, lĩnh vực, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của thời đại mới.

Trên tinh thần đó, việc khai trương Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống Sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân hôm nay mới chỉ là bước đầu quan trọng, chúng ta còn rất nhiều việc phải làm phía trước.

Do đó, Thủ tướng Chính phủ đề nghị tập trung một số nhiệm vụ: Bộ Công an tiếp tục hoàn thiện Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống Sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân, bảo đảm dữ liệu chính xác, minh bạch, thống nhất bảo đảm an ninh, an toàn cơ sở dữ liệu; phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan đẩy nhanh quá trình kết nối các Bộ, ngành, địa phương, góp phần quan trọng trong xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, hướng tới xây dựng kinh tế số, xã hội số...

Tập trung hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong Quý II/2021. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong thực hiện các thủ tục liên quan đến quản lý dân cư, tạo thuận lợi cho nhân dân và doanh nghiệp, đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Công an để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Các Bộ, ngành ở Trung ương và tất cả các địa phương, tiếp tục tích cực “đồng hành” cùng Bộ Công an trong quá trình triển khai 2 dự án, bảo đảm sự đồng bộ, kết nối trong xây dựng Chính phủ điện tử. Cụ thể, Bộ Thông tin và Truyền thông khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định về định danh và xác thực điện tử, trình Chính phủ xem xét ban hành trong Quý I/2021 để tạo hành lang pháp lý trong vấn đề danh tính số. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để phổ cập danh tính số cho mọi người dân, tạo nền tảng thúc đẩy kinh tế số, xã hội số.

Bộ Tư pháp khẩn trương hoàn thành việc xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử bảo đảm thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Các Bộ, các ngành bám sát tiến độ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của bộ, ngành mình.

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công an xây dựng phí, lệ phí khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để bảo đảm hiệu quả tái đầu tư, duy tu bảo dưỡng và khai thác dữ liệu.

Lễ khai trương Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là một mốc lớn, là bước tiến quan trọng của chúng ta trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số; tạo nền tảng hình thành công dân số trên không gian mạng, giúp đổi mới quản lý dân cư theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và khu vực. Thủ tướng Chính phủ tin tưởng, Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống Sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân sẽ được người dân và doanh nghiệp đón nhận, nhiệt tình hưởng ứng và ủng hộ.

Phát biểu khai mạc lễ khai trương, Bộ trưởng Bộ Công an Tô Lâm nhấn mạnh, ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư 2 dự án (tháng 3/2020 và tháng 9/2020), Bộ Công an đã xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của toàn lực lượng và thành lập ban chỉ đạo từ Trung ương tới địa phương để tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Ưu tiên cao nhất nguồn lực, kinh phí, phương tiện, với tinh thần “thần tốc”, “vừa chạy vừa xếp hàng” để hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Hàng chục nghìn cán bộ, chiến sĩ công an từ Trung ương tới địa phương đã được huy động tham gia, không quản ngày đêm hoàn thành một khối lượng công việc rất lớn của 2 dự án, trong đó có gần 45.000 cán bộ công an chính quy được tăng cường xuống xã, bảo đảm thu thập, bổ sung, cập nhật thông tin dân cư hàng ngày ngay từ địa bàn các cơ sở.

Trong chiều ngày 25/02, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cùng các đại biểu đã tham quan phòng máy chủ (NOC), bản đồ số. Tại đây, Thượng tá Tô Anh Dũng, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Giám đốc Trung tâm Dữ liệu dân cư đã kết nối, gọi điện cho trưởng công an xã, phường, thị trấn (qua điện thoại thông minh đã được trang bị). Các đồng chí trưởng công an đã báo cáo về tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hệ thống kết nối đã đảm bảo an toàn, thông suốt.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI: ĐÂY LÀ NHIỆM KỲ CHÍNH PHỦ RẤT THÀNH CÔNG

Sáng ngày 23/02, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận, cho ý kiến về Báo cáo công tác nhiệm kỳ 2016 - 2021 của Chính phủ.

Khó khăn gấp hai, phải cố gắng gấp ba

Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng đã trình bày Báo cáo công tác nhiệm kỳ 2016 - 2021 của Chính phủ. Theo đó,

quán triệt phương châm ngay từ đầu nhiệm kỳ là “Xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân”, kế thừa kinh nghiệm quản lý, điều hành từ các nhiệm kỳ trước, Chính phủ đã khẩn trương ban hành các chương trình, kế hoạch, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết của Đảng, của Quốc hội, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Hằng năm, Chính phủ đều đề ra phương châm hành động, quan điểm điều hành và các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Không ngừng đổi mới, cải cách mạnh mẽ, kiên định, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được Đảng, Quốc hội đề ra.

Trước tình hình đại dịch COVID-19, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thống nhất quan điểm điều hành với tinh thần “Khó khăn gấp hai thì phải nỗ lực, cố gắng gấp ba”, quyết tâm thực hiện “mục tiêu kép” là vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch đề ra trong điều kiện “bình thường mới”.

Theo Bộ trưởng Mai Tiến Dũng, Chính phủ luôn chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội, nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trước Nhân dân và đất nước, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Chính phủ chủ động, linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt trong quản lý, điều hành các lĩnh vực, vừa thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, vừa xử lý kịp thời các vấn đề đột xuất, phát sinh.

Nổi bật là hoạch định chính sách, xây dựng và hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần thượng tôn pháp luật; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước gắn với xây dựng Chính phủ điện tử; thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Trong đó, Chính phủ luôn kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; thúc đẩy xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, chú trọng kích cầu tiêu dùng nội địa; đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; khai thác và phát huy tiềm năng lợi thế của từng ngành, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút các nguồn lực cho phát triển; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, cơ chế điều phối, phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đô thị và xây dựng nông thôn mới; tập trung thực hiện các đột phá chiến lược; quan tâm phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá - xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân; chủ động, quyết liệt ứng phó kịp thời, ngăn chặn, kiểm soát tốt đại dịch COVID-19, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường quốc phòng an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của đất nước; kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, kỷ luật kỷ cương hành chính, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước...

Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Pháp luật do Chủ nhiệm Ủy ban Hoàng Thanh Tùng trình bày nêu rõ: Thường trực Ủy ban Pháp luật tán thành với nhiều nội dung trong Báo cáo của Chính

phủ và nhận thấy, trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, mặc dù tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; trong nước phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do thiên tai, dịch bệnh nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã không ngừng đổi mới, linh hoạt, sáng tạo, sâu sát trong chỉ đạo, điều hành, cải cách mạnh mẽ và quyết liệt hành động theo phương châm Chính phủ kiến tạo, hành động; kết quả đã thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại các nghị quyết của Đảng, của Quốc hội, đóng góp quan trọng vào những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước.

Báo cáo tổng kết đã được Chính phủ chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng với nhiều số liệu cụ thể, đánh giá cơ bản toàn diện, sâu sắc về các mặt công tác trong cả nhiệm kỳ, thể hiện rõ phương châm, quan điểm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, nêu bật những kết quả đã đạt được, chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân, đúc kết một số bài học kinh nghiệm và xác định phương hướng, nhiệm vụ của Chính phủ trong nhiệm kỳ tới. Tuy nhiên, về bố cục của Báo cáo, đề nghị cần tiếp tục hoàn thiện để bảo đảm sự cân xứng hơn giữa đánh giá về kết quả đạt được với đánh giá về những tồn tại, hạn chế trong từng lĩnh vực; phân tích rõ nguyên nhân của những kết quả đạt được; đồng thời, rà soát để tránh trùng lặp, một số nội dung cần thể hiện súc tích, khái quát hơn; các số liệu, thông tin cụ thể, nhất là về lĩnh vực kinh tế, nên được tập hợp thành các bảng biểu, sơ đồ, phụ lục để Báo cáo có tính tổng hợp, khái quát cao hơn; đồng thời, cập nhật thông tin, số liệu đến thời điểm báo cáo để bảo đảm tính chính xác, kịp thời.

Chính phủ chủ động, năng động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo, điều hành

Phát biểu tại phiên họp, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân nhấn mạnh: Báo cáo công tác tổng kết nhiệm kỳ của Chính phủ chuẩn bị rất nghiêm túc, công phu, rõ ràng. Đây là nhiệm kỳ Chính phủ rất thành công trong bối cảnh, điều kiện có nhiều khó khăn mà Chính phủ vẫn vững vàng chèo lái nền kinh tế đất nước, đạt được thành tựu rất có ý nghĩa.

Cơ bản nhất trí những kết quả đạt được trong báo cáo được Chính phủ nêu, Chủ tịch Quốc hội chỉ ra những dấu ấn đậm nét trong nhiệm kỳ của Chính phủ mà chúng ta thấy rõ là “Chính phủ rất năng động, sáng tạo, chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành của mình. Chính phủ thực hiện rất nghiêm túc các quy định trong Hiến pháp, pháp luật và Chính phủ rất tôn trọng Quốc hội trong công tác của mình. Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ đều lắng nghe và nghiêm túc trong báo cáo giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội”, Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh.

Bên cạnh đó, Chủ tịch Quốc hội cũng nêu rõ những dấu ấn khác như Chính phủ đã giải quyết hài hoà các lĩnh vực, không nặng bên này, nhẹ bên kia với phương châm “không để ai lại phía sau trong quá trình phát triển” của đất nước. Chúng ta cũng giữ vững được quốc phòng an ninh trong mọi tình huống.

Thành công nổi bật nữa là thành công trong đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong nhiệm kỳ Chính phủ vừa qua tổ chức thành công Thượng đỉnh APEC, thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASEAN và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Đặc biệt, khi đất nước đứng trước thiên tai và dịch bệnh, Chính phủ đã xử lý rất nhanh và kiểm soát được tình hình, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, nhân dân đồng tình, ủng hộ.

“Tôi rất ấn tượng về sự chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ và thành viên Chính phủ đối với sự vận hành nền hành chính quốc gia, nhất là các hoạt động trước Quốc hội và đồng bào cử tri cả nước. Qua đó cho thấy các thành viên Chính phủ rất bản lĩnh, tự tin và nắm chắc vấn đề khi đứng trước diễn đàn Quốc hội và cử tri, không lúng túng hoặc nắm vấn đề chưa sâu lĩnh vực mình phụ trách”, Chủ tịch Quốc hội nói.

Phát biểu ý kiến đóng góp cho Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội Đỗ Bá Tỵ nhận thấy báo cáo của Chính phủ rất công phu, cụ thể đánh giá toàn diện tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ông tán thành với báo cáo thẩm tra và đề nghị đánh giá kỹ thêm về kết quả và phương hướng bảo đảm quốc phòng an ninh thời gian qua và định hướng tình hình thời gian tới.

Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Nguyễn Văn Giàu bày tỏ một số ấn tượng sâu sắc với Chính phủ nhiệm kỳ 5 năm qua, đó là chúng ta thực hiện vai trò quốc tế của Việt Nam rất xuất sắc qua vai trò chủ nhà APEC 2017 và Chủ tịch ASEAN 2020. Chúng ta cũng hoàn thành nhiều Hiệp định FTA, mở rộng thị trường, là thước đo đánh giá về vai trò của đất nước, năng lực của doanh nghiệp và chất lượng sản phẩm hàng hoá khi đi vào các nước khác. Nhất là, kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được giữ vững, xuất siêu đạt kết quả lớn.

Ông Giàu cũng đề nghị cần có đánh giá đúng “sức khoẻ” của nền kinh tế nếu dịch bệnh COVID-19 tiếp tục kéo dài để có chính sách và giải pháp đồng bộ, toàn diện cho nền kinh tế. Có chiến lược để khai thác, tận dụng thời cơ do hội nhập mang lên, nhất là đối với các địa phương. Quan tâm hơn nữa đến phát triển lĩnh vực nông nghiệp và nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc miền núi, vùng sâu vùng xa.

Thành tựu trong nhiệm kỳ qua là kinh nghiệm quý báu trong thời gian tới

Phát biểu tại Phiên họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh trân trọng cảm ơn và tiếp thu ý kiến đóng góp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hoàn thiện để có báo cáo chính thức Quốc hội vào kỳ họp tới. Trong đó, Chính phủ sẽ làm rõ thêm một số vấn đề mà báo cáo thẩm tra của Ủy ban Pháp luật nêu ra.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh, Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đề ra với kết quả tích cực. Chúng ta ở trong top 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới, năng suất lao động cải thiện rõ nét và vượt mục tiêu đề ra, tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ hơn nhân tố khoa học công nghệ, bội chi ngân sách trong phạm vi đề ra, trong nhiệm kỳ tạo hơn 8 triệu việc làm mới, thu nhập người dân được tăng lên, vai trò của kinh tế tư nhân ngày càng được khẳng định là động lực quan trọng của nền kinh tế đất nước, nhiều sản phẩm hàng hoá đã gia nhập chuỗi giá trị toàn cầu, an ninh lương thực được bảo đảm, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp xanh hữu cơ được đẩy mạnh...

Công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính được quan tâm và đạt kết quả ấn tượng. Điều này làm tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính,

đơn giản hoá điều kiện kinh doanh, giảm chồng chéo, bất cập và vướng mắc các quy định của pháp luật phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.

Kết quả trên có được là do sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội, sự đồng tình và ủng hộ của người dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nhân dân cả nước. “Đây là những kinh nghiệm quý báu Chính phủ xin tiếp thu và thực hiện tốt hơn nữa trong thời gian tới”, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh nêu rõ.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BA KẾT QUẢ RẤT QUAN TRỌNG TRONG NHIỆM KỲ CHÍNH PHỦ

Theo Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, nhiệm kỳ này Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã không ngừng đổi mới, linh hoạt, sáng tạo, sâu sát trong chỉ đạo, điều hành, cải cách mạnh mẽ và quyết liệt hành động theo phương châm Chính phủ kiến tạo, hành động.

Ba kết quả cần phát huy mạnh mẽ

Trình bày báo cáo thẩm tra sơ bộ báo cáo tổng kết công tác của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại phiên họp sáng ngày 23/02 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Hoàng Thanh Tùng đã nhấn mạnh một số kết quả nổi bật 5 năm qua.

Ông Tùng khái quát, kết quả thực hiện phương châm “lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ”, quyết tâm cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Chính phủ đã được thể hiện rõ nét trên 3 khía cạnh.

Một là, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Kết quả, theo xếp hạng của Ngân hàng thế giới, về môi trường kinh doanh toàn cầu giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam tăng 20 bậc (xếp thứ 70/190 quốc gia); về năng lực cạnh tranh toàn cầu, Việt Nam tăng 10 bậc trong giai đoạn 2018 - 2020 (xếp thứ 67/141 quốc gia).

Hai là, xây dựng và vận hành các hệ thống thông tin nền tảng của Chính phủ điện tử; đổi mới lề lối làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước và công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp theo hướng tăng cường áp dụng và cải cách mạnh mẽ việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Kết quả chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam tăng 3 bậc so với năm 2016, xếp thứ 86/193 quốc gia, xếp thứ 6 trong ASEAN.

Ba là, tiếp nhận, xử lý, trả lời nhanh chóng, kịp thời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thông qua Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

“Thường trực Ủy ban Pháp luật cho rằng đây là những kết quả rất quan trọng, có ý nghĩa tích cực, tạo chuyển biến rõ nét trong tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

và cả hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, cần được tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn nữa trong nhiệm kỳ tới” - ông Tùng nêu quan điểm của cơ quan thẩm tra.

6 hạn chế của nhiệm kỳ

Trong 58 trang báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, Chính phủ dành khoảng 1 trang để đánh giá về tồn tại, hạn chế với 6 gạch đầu dòng.

Thứ nhất, tình trạng xin điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội vẫn chưa được khắc phục triệt để, nhất là việc xin bổ sung dự án luật còn nhiều; trong khi đó nhiều dự án có trong chương trình nhưng chưa được chuẩn bị kịp, phải xin lùi thời gian trình hoặc rút dự án ra khỏi Chương trình. Việc chuẩn bị một số hồ sơ dự án, dự thảo văn bản pháp luật trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ hai, việc xây dựng và thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa bảo đảm tính toàn diện, số đề án phát sinh ngoài chương trình còn nhiều trong khi một số đề án có trong Chương trình công tác lại xin lùi, xin rút; một số đề án chuẩn bị chậm, chất lượng chưa đạt yêu cầu, phải xin điều chỉnh tiến độ.

Thứ ba, việc tổ chức thi hành pháp luật còn chậm; việc chậm ban hành văn bản quy định chi tiết chưa được khắc phục triệt để. Phối hợp xử lý công việc giữa các Bộ, ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ, một số trường hợp trách nhiệm chưa cao, thiếu chủ động trong trao đổi, giải trình dẫn đến tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu thống nhất, đồng thuận nên kéo dài thời gian xử lý công việc liên quan đến chức năng của nhiều bộ, cơ quan hoặc xây dựng, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Một số vướng mắc, bất cập của chính sách, pháp luật đã được phát hiện nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Thứ tư, bộ máy hành chính nhà nước chưa thực sự tinh gọn, hiệu quả chưa cao; việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cơ quan chuyên môn ở một số địa phương thực hiện thí điểm còn chưa đồng bộ, thống nhất. Tiến độ sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm so với lộ trình đề ra. Việc đổi mới lề lối làm việc, kỷ cương, kỷ luật hành chính của một số bộ, cơ quan chưa đạt yêu cầu.

Thứ năm, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng đều, nhất là năng lực phát hiện vấn đề, tham mưu và đề xuất các biện pháp giải quyết còn hạn chế. Công tác đề bạt, bổ nhiệm, quản lý, sử dụng, luân chuyển cán bộ, công chức ở một số Bộ, ngành địa phương chưa đúng quy định, chưa bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn. Công tác thi đua, khen thưởng ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức, còn hình thức, chưa tạo động lực thi đua thực sự.

Thứ sáu, công tác phối hợp triển khai chính sách, pháp luật trong nhiều trường hợp còn chưa quyết liệt, thiếu đồng bộ. Công tác quản lý, điều hành một số lĩnh vực chưa hiệu quả, phản ứng chính sách có mặt còn chậm. Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá và tổng kết thực tiễn còn hình thức, chưa thiết thực.

Chủ nhiệm Hoàng Thanh Tùng đề nghị Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện để bảo đảm sự cân xứng hơn giữa đánh giá về kết quả đạt được với đánh giá về những tồn tại, hạn chế trong từng lĩnh vực.

Nguồn: baodautu.vn

QUYẾT TÂM KHÔNG NỢ ĐONG VĂN BẢN NHIỆM KỲ CHÍNH PHỦ 2016 - 2021

Sáng ngày 26/02, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ chủ trì làm việc với 8 Bộ, cơ quan liên quan về tình hình xây dựng, trình ban hành các văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh đã có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực pháp luật trong thời gian tới; tình hình xây dựng, trình ban hành các đề án trong Chương trình công tác Quý I/2021 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Cuộc làm việc có đại diện các Bộ, cơ quan: Nội vụ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Công an; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ban hành các văn bản còn nợ đọng trước 20/3/2021

Phát biểu tại cuộc họp, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng nhấn mạnh, tại Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, Chính phủ đều có yêu cầu các bộ, cơ quan tập trung xây dựng, trình các văn bản quy định chi tiết theo đúng tiến độ được phân công, không để phát sinh nợ đọng mới. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 4 Quyết định, một Chỉ thị, một văn bản để chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật, phân công soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh và văn bản quy định chi tiết.

Hiện nay, Văn phòng Chính phủ đang thực hiện rà soát tình hình thực hiện các nhiệm vụ mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, ngành, địa phương để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Theo Tổ trưởng Tổ công tác, về văn bản quy định chi tiết, đến thời điểm 31/12/2020, có 6 văn bản chi tiết nợ đọng. Lý do đến ngày 31/12 còn nợ 6 văn bản bởi là mặc dù các Bộ, cơ quan đã rất tích cực nhưng do có các nghị định liên quan đến nhiều lĩnh vực, cần đánh giá tác động nên Chính phủ phải cân nhắc, xem xét ban hành ở thời điểm thích hợp.

Do tiếp tục phát sinh nợ đọng mới nên đến ngày hết ngày 25/02/2021, còn 17 văn bản chi tiết nợ đọng liên quan đến trách nhiệm của các Bộ, cơ quan: Nội vụ (5); Kế hoạch và Đầu tư (4); Tài chính (2); Xây dựng (1); Tài nguyên và Môi trường (2); Công an (1); Giáo dục và Đào tạo (1); Lao động - Thương binh và Xã hội (1).

Với tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ là hạn chế tối đa nhiệm vụ quá hạn của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021, Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị các bộ, cơ quan ban hành các văn bản còn nợ trước 20/3/2021. Vì vậy, các Bộ, cơ quan cần quyết tâm, khắc phục khó khăn, cố gắng thực hiện nhiệm vụ đúng hạn.

Về chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, theo Vụ Tổng hợp (Văn phòng Chính phủ) - đơn vị Thường trực của Tổ công tác, trong Quý I/2021, có 89 đề án phải trình, trong đó có 21 đề án giao trong Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

Đến ngày 25/02, các Bộ, cơ quan đã trình 21/89 đề án, còn 68 đề án chưa trình, trong đó có 57 đề án trong hạn và 11 đề án nợ đọng, chiếm 12,3%. Đây là các đề án nợ đọng của năm

2020 chuyển sang tháng 01/2021, không có đề án nợ đọng giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP. Đối với 8 Bộ dự cuộc họp, có 6 đề án nợ đọng, chiếm 54,5%, thuộc trách nhiệm các Bộ: Công an, Thông tin và Truyền thông. Theo chương trình công tác tháng 2 và tháng 3/2021, các Bộ, cơ quan phải trình 57 đề án. Trong đó, 8 Bộ tham dự buổi làm việc có 26 đề án, chiếm 45,6%.

Đánh giá của Thường trực Tổ công tác cho thấy, tiến độ soạn, trình các văn bản quy định chi tiết còn chậm, chưa đáp ứng công tác tổ chức thi hành pháp luật và sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, Thường trực Tổ công tác nêu kiến nghị các Bộ, cơ quan thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của và các giải pháp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra đối với công tác xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết và đề án trong chương trình công tác.

Quyết tâm hoàn thành, không để nợ đọng văn bản

Tại cuộc họp, đại diện 8 Bộ, cơ quan đều cho biết đã triển khai rất tích cực các nhiệm vụ và quyết tâm sẽ ban hành văn bản theo kế hoạch, không để nợ đọng văn bản.

Đại diện Bộ Công an cho biết, theo danh mục, Bộ còn Nghị định quy định xây dựng công an xã chính quy. Bộ Công an đã có các trao đổi với các bộ liên quan, ngày hôm qua đã báo cáo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ để sửa đổi một điểm trong Nghị định, với tiến độ này sẽ kịp theo kế hoạch.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiện còn nợ 4 văn bản, đại diện Bộ cho biết đang triển khai tích cực các nhiệm vụ đề ra, cố gắng đẩy nhanh tiến độ.

Qua các ý kiến về tiến độ tại cuộc họp, Tổ trưởng Tổ công tác đánh giá các Bộ, cơ quan đều quyết tâm hoàn thành 100%, không nợ đọng văn bản của nhiệm kỳ Chính phủ 2016 - 2021.

Để hoàn thành nhiệm vụ này, Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo các Nghị định chủ động cùng Văn phòng Chính phủ để đôn đốc các ý kiến của các bộ tham gia cùng cơ quan chủ trì. Văn phòng Chính phủ sẽ phối hợp, đôn đốc để lấy ý kiến các đồng chí thành viên Chính phủ.

Nhấn mạnh lại về thời gian còn rất ngắn để hoàn thành và không nợ đọng văn bản, Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị các vụ của Văn phòng Chính phủ phối hợp với các đơn vị thuộc các Bộ để đẩy nhanh tiến độ, chậm nhất là ngày 20/3 ban hành các văn bản.

Còn với các đề án, nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, cơ quan, Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị các Bộ, cơ quan căn cứ thời gian để sớm thực hiện. Đây là những nhiệm vụ được giao từ đầu năm và Thủ tướng Chính phủ đã nhấn mạnh về việc không được rút các nhiệm vụ Chính phủ giao, vì vậy các bộ, cơ quan cần tập trung triển khai nhiệm vụ ngay từ đầu năm.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: NHẮC CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐẨY MẠNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 ĐỂ PHÒNG DỊCH COVID-19

Các Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố vừa được đề nghị đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa phương. Đồng thời, tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp dùng dịch vụ công trực tuyến để hạn chế tiếp xúc trực tiếp, góp phần phòng dịch COVID-19.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến là một trong những chỉ số đo lường quan trọng trong phát triển Chính phủ điện tử khi lấy người dân là trung tâm, là đối tượng phục vụ của các cơ quan nhà nước.

Dịch vụ công trực tuyến cần được cung cấp đến mọi người dân, mọi lúc, mọi nơi góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí làm cho hoạt động của các cơ quan nhà nước được minh bạch, hiệu quả, phòng chống tham nhũng và cải cách hành chính toàn diện.

Đặc biệt, trước tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 càng trở nên quan trọng và cấp bách. Việc người dân, doanh nghiệp tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 sẽ giúp hạn chế tiếp xúc trực tiếp, góp phần vào công tác phòng, chống sự lây lan của dịch bệnh.

Theo Thông báo số 28/TB-VPCP được Văn phòng Chính phủ ban hành ngày 17/02, kết luận cuộc họp Thường trực Chính phủ với Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch COVID-19 vào chiều ngày 15/02, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục thúc đẩy làm việc trên môi trường mạng và hoạt động trực tuyến.

Trong bối cảnh đó, hôm nay, ngày 19/02, Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp tục có văn bản đôn đốc các Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa phương.

Cụ thể, Cục Tin học hóa đề nghị các Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố triển khai các giải pháp để cung cấp hầu hết các dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trước tháng 6/2021.

Cùng với đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhằm hạn chế tiếp xúc nơi đông người, góp phần phòng, chống dịch COVID-19.

Các Sở Thông tin và Truyền thông cũng được đề nghị đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, thành phố kịp thời cung cấp thông tin, hướng dẫn và trả lời thắc mắc, kiến nghị của người dân liên quan đến việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Trong thời gian qua, thực hiện các mục tiêu tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai

đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Tuy nhiên, việc cung cấp dịch vụ công mức độ 4 vẫn còn hạn chế. Tính đến nay, đã có 37 tỉnh, thành phố trong cả nước hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đạt 30%, nhưng vẫn còn 26 địa phương có tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp dưới 30%.

Nguồn: ictnews.vietnamnet.vn

NGÀNH TÀI CHÍNH: TIẾP TỤC CẢI CÁCH MẠNH MẼ ĐỂ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Năm 2021, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục cải cách mạnh mẽ hơn nữa để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Với tất cả nỗ lực, ngành Tài chính đảm bảo đến năm 2025 thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và chi phí tuân thủ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

Người dân và doanh nghiệp hài lòng

Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Vũ Tiến Lộc đã từng không tiếc lời khen khi đánh giá về nỗ lực cải cách hiện đại hóa của ngành Tài chính. Ông cho rằng: “Ngành Tài chính mà tiên phong là cơ quan thuế đã đi đầu và chấp nhận sự đánh giá của doanh nghiệp để làm căn cứ thúc đẩy cải cách. Ngành Tài chính cũng là ngành đầu tiên phối hợp với VCCI để tổ chức việc khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Qua kết quả khảo sát, đại diện VCCI cũng đánh giá cao những nỗ lực của ngành Thuế trong cung cấp thông tin chính sách thuế khi có đến hơn 80% doanh nghiệp hài lòng và đánh giá mức độ dễ tiếp cận đối với chính sách thuế”.

Theo ông Vũ Tiến Lộc, những kết quả cải cách của Bộ Tài chính đã góp phần tác động tích cực đến việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, được xã hội, cộng đồng người dân và doanh nghiệp đánh giá cao. Kết quả cũng được thể hiện qua đánh giá về các chỉ số, như: Bộ Tài chính luôn nằm trong Top đầu của 19 Bộ, cơ quan ngang Bộ về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và là bộ đứng đầu về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT index) trong nhiều năm liên tiếp.

Kết quả đó là cả sự cố gắng dài, bền bỉ trong suốt nhiều năm qua. Bộ Tài chính đã triển khai quyết liệt công tác cải cách hành chính, thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp, từ cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy cho đến đổi mới quy trình quản lý hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính.

Đặc biệt, trong năm 2020 với những khó khăn, thách thức chưa từng có do tác động của đại dịch COVID-19, Bộ Tài chính đã chủ động triển khai các nghị quyết của Quốc hội, của

Chính phủ, chủ động xây dựng trình các cấp có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Kết quả thể hiện qua các lĩnh vực, trong đó nổi bật nhất là về cải cách thể chế.

Nghiên cứu giảm tiếp thời gian, giảm giấy tờ cho doanh nghiệp

Năm 2021, nhằm tiến tới xây dựng một nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiệu quả cao, đồng thời tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi, giảm thiểu chi phí và thời gian của người dân, doanh nghiệp, công tác cải cách hành chính vẫn là mục tiêu ưu tiên của Bộ Tài chính.

Theo Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng, trong năm 2021 và những năm tiếp theo, Bộ Tài chính đặt mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước và góp phần khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, bộ tiếp tục nghiên cứu trình các cấp có thẩm quyền các biện pháp, giải pháp về chính sách tài khóa nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị tác động bởi dịch Covid-19.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính sẽ rà soát và đề xuất các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực quản lý của mình. Trong đó, tập trung vào nghiên cứu giảm thời gian, giảm hồ sơ, giấy tờ và chi phí thực hiện thủ tục hành chính liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp. Mục tiêu nhằm đảm bảo đến năm 2025 thực hiện cắt giảm, đơn giản hoá ít nhất 20% số quy định và chi phí tuân thủ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

Được biết, năm 2021, nhiều mục tiêu ưu tiên được đặt ra, nhưng Bộ Tài chính sẽ tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Theo đại biểu Quốc hội Đỗ Văn Sinh, Ủy viên Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, thời gian tới, Bộ Tài chính cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai cải cách hành chính nói chung và cải cách thủ tục hành chính nói riêng, đáp ứng yêu cầu hội nhập, phấn đấu các chỉ số cải cách đạt chuẩn xếp hạng các nước ASEAN 4 và hướng tới tiêu chuẩn của các nước OECD.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

NGÀNH BẢO HIỂM XÃ HỘI: “ĐIỂM SÁNG” TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam là một trong những cơ quan tích cực triển khai công tác cải cách hành chính, hướng đến chuyển đổi tác phong phục vụ, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Các dịch vụ công trực tuyến của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đều đã được tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục trước khi tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Chỉ còn 27 thủ tục hành chính bảo hiểm xã hội

Có thể khẳng định, thời gian qua Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tại hội nghị trực tuyến triển khai nhiệm vụ năm 2021 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam gần đây, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam nhấn mạnh, năm 2014, Chính phủ ban hành nghị quyết đầu tiên (Nghị quyết số 19/NQ-CP) về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo hiểm xã hội - thuế và điện lực được chọn là hai khâu đột phá. Sau một thời gian rất ngắn, ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã vượt qua rất nhiều khó khăn để có những bước tiến mạnh mẽ, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ngành, mang lại sự thuận lợi, tiện ích cho người dân, doanh nghiệp; góp phần tạo niềm tin cho quyết tâm thực hiện đổi mới, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của đất nước.

Cụ thể, trong thời gian qua, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã chú trọng cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động nghiệp vụ; quyết liệt chuyển đổi phương thức quản lý từ thủ công sang hiện đại, tác phong làm việc chuyển từ hành chính sang phục vụ. Trong đó, bộ thủ tục hành chính của ngành được cắt giảm từ 114 thủ tục (năm 2015), đến nay còn 27 thủ tục; số giờ thực hiện thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp giảm từ 335 giờ/năm (năm 2015) xuống còn 147 giờ (năm 2019) và hiện đã hoàn thiện các thủ tục báo cáo Ngân hàng Thế giới (WB) để công nhận còn 129 giờ/năm trong đợt công bố báo cáo môi trường kinh doanh năm nay. Cùng với đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cho biết, sẽ tiếp tục triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính liên quan đến “cấu phần nộp bảo hiểm xã hội” nhằm nâng xếp hạng chỉ số “Nộp thuế và bảo hiểm xã hội” đạt mục tiêu Chính phủ đề ra. Cụ thể, định hướng đến năm 2021, chỉ số nộp thuế và bảo hiểm xã hội tăng lên 30 đến 40 bậc so với công bố báo cáo của WB năm 2018.

Theo kế hoạch cải cách hành chính năm 2021, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam sẽ tiếp tục rà soát và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm giảm thời gian, hồ sơ, giấy tờ và chi phí thực hiện thủ tục hành chính liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; tiếp tục đề xuất, xây dựng các giải pháp cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện chỉ số liên quan đến số giờ nộp bảo hiểm xã hội trong Bảng đánh giá xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam.

Xây dựng hệ sinh thái 4.0 ngành Bảo hiểm Xã hội

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cho biết, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động nghiệp vụ của ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã tạo sự minh bạch, rõ ràng trong quản lý điều hành, giúp nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Theo Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Nguyễn Thế Mạnh, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang diễn ra nhanh chóng, tác động đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Với vai trò là cơ quan thực hiện các chính sách an sinh xã hội quan trọng của đất

nước, ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp, đặc biệt tận dụng sức mạnh lan tỏa của số hóa công nghệ thông tin để thực hiện mục tiêu xây dựng ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam hiện đại, chuyên nghiệp, hướng tới sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã cùng với các bộ, ngành, địa phương xây dựng Chính phủ số, cung cấp ngày càng nhiều các tiện ích cho tổ chức và cá nhân.

Ông Nguyễn Thế Mạnh cho biết, ngay từ thời điểm đầu xây dựng hệ thống, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã hướng tới hệ sinh thái 4.0, phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp. Hiện ngành đã và đang hoàn thiện hệ sinh thái 4.0 phục vụ người dân và doanh nghiệp với các dịch vụ: tin nhắn SMS, thanh toán trực tuyến, hệ thống Chatbox, hỗ trợ khách hàng, thiết lập Fanpage truyền thông và tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân trên mạng xã hội...

Điểm nhấn quan trọng trong cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam là trong năm 2020, Ngành đã hoàn thành và triển khai ứng dụng “VssID - Bảo hiểm xã hội số” trên nền tảng thiết bị di động. Ứng dụng này được Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo các Bộ, ngành và người dân đánh giá rất cao.

Cũng trong năm 2020, các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới các quy trình nghiệp vụ được đẩy mạnh, đã tạo ra hiệu ứng tích cực trong tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội. Tính đến nay, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã hoàn thành cung cấp 100% dịch vụ công mức độ 4 cho tất cả các thủ tục hành chính của ngành; thực hiện chi trả cho khoảng 48% số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân ở khu vực đô thị... Với việc triển khai kết nối, tích hợp, cung cấp 15 dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đến nay, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã tiếp nhận và giải quyết hơn 9.000 giao dịch trực tuyến trên cổng.

Trong đó, tiếp nhận và giải quyết cấp lại thẻ bảo hiểm y tế do hỏng, mất cho 2.616 trường hợp; 5.859 giao dịch thanh toán trực tuyến thành công (thanh toán gia hạn thẻ bảo hiểm y tế hộ gia đình cho 4.022 trường hợp; đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện cho 1.706 trường hợp; đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 131 trường hợp); tiếp nhận, xử lý 916 hồ sơ đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19...

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

NGÀNH XÂY DỰNG: ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

Mới đây, 2 dịch vụ công của ngành Xây dựng là cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ chính thức được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đây là một trong những thành quả ngành Xây dựng đạt được trong công tác xây dựng Chính phủ điện tử.

Nhiều lợi ích

Theo Bộ Xây dựng, hàng năm, có hàng triệu người có nhu cầu cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng để phục vụ nhiều mục đích khác nhau như xây dựng công trình, mua bán, thế chấp tài sản, đất đai... Để người dân, doanh nghiệp không phải đi lại nhiều lần, hạn chế tình trạng né tránh, đùn đẩy trong việc cung cấp thông tin quy hoạch, dịch vụ cung cấp thông tin quy hoạch được thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Theo đó, hồ sơ sẽ được cán bộ một cửa, cán bộ của cơ quan quản lý quy hoạch tiếp nhận, xét duyệt để trình cấp có thẩm quyền ký số trả cho người dân. Ước tính, quy trình từ nộp hồ sơ đến tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết hoàn toàn thực hiện trên môi trường mạng và giúp tiết kiệm 281 tỷ đồng/năm.

Tương tự, việc thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trực tuyến là biện pháp giúp đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi, giảm thiểu chi phí và thời gian thực hiện cho người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ cơ quan Nhà nước trong việc giải quyết.

Người dân đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia tại bất cứ đâu, gửi hồ sơ trực tuyến và đăng ký nhận kết quả (giấy phép xây dựng) tại nhà theo địa chỉ do mình yêu cầu, mà không phải đến trực tiếp cơ quan Nhà nước như trước đây.

Cổng dịch vụ công quốc gia đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống quản lý chứng chỉ, năng lực hành nghề nên việc kiểm tra, xác nhận thông tin chứng chỉ hành nghề (1 thành phần hồ sơ) được thực hiện tự động, giúp giảm giấy tờ người dân phải nộp, cũng như rút ngắn trình tự, thời gian của công chức trong kiểm tra tính hợp lệ, chính xác của hồ sơ, giấy tờ này.

Theo thống kê của Bộ Xây dựng, hàng năm, trung bình có 111.000 công trình nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng trên cả nước. Với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 giúp tiết kiệm được ít nhất 3 ngày công, với 4 lần đi lại và thời gian, chi phí chuẩn bị hồ sơ. Nếu khoảng 50% người dân lựa chọn thực hiện trực tuyến thì số tiền tiết kiệm được hàng năm ít nhất là 54,6 tỷ đồng/năm.

Cả 2 dịch vụ nói trên đang được thực hiện tại 22 tỉnh và sẽ mở rộng triển khai trên toàn quốc trong 2021.

Nhiều thành quả

Việc tích hợp dịch vụ trên Cổng dịch vụ công quốc gia chỉ là một trong những thành quả mà ngành Xây dựng đạt được trong công tác xây dựng Chính phủ điện tử.

Trước đó, Bộ đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử với trọng tâm là xây dựng, kết nối hệ thống văn bản quản lý điều hành và xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với một số thủ tục hành chính của ngành Xây dựng.

Bộ hoàn thành triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp liên thông 4 cấp kết nối với Văn phòng Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bộ cũng đã ban hành kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng phiên bản 2.0; hoàn thành hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Xây dựng để kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của

Chính phủ; triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến cơ quan Bộ Xây dựng; thực hiện nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và triển khai mạng IPv6 tại cơ quan Bộ Xây dựng.

Bộ hoàn thiện việc kết nối, tích hợp để đăng nhập một lần từ Cổng dịch vụ công quốc gia vào Cổng dịch vụ công Bộ Xây dựng; đồng bộ trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia; hoàn thành việc tích hợp dịch vụ công trực tuyến cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, hệ thống thanh toán trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Đặc biệt, Bộ hoàn thiện hệ thống Cổng thông tin điện tử quốc gia về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý phát triển đô thị. Hệ thống đang được vận hành tại địa chỉ quyhoach.xaydung.gov.vn. Đến nay các địa phương đã cập nhật gần 600 đề án quy hoạch được duyệt trên Cổng thông tin quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị Việt Nam.

Bên cạnh đó, Bộ tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện Hệ thống thông tin quản lý nhà ở và thị trường BĐS đảm bảo kết nối và liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Cũng trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ đã chuẩn hóa, công bố công khai 119 thủ tục hành chính; cập nhật các thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; ban hành 2 Thông tư bãi bỏ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư và các luật quản lý xây dựng chuyên ngành.

Bộ thành lập bộ phận một cửa và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/10/2018. Đến hết tháng 12/2020 đã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa đối với 51 thủ tục hành chính; thực hiện tiếp nhận gần 52.000 hồ sơ thủ tục hành chính. Trong đó, chủ yếu là hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I và thẩm định thiết kế xây dựng.

Bộ đồng thời thực hiện công bố công khai 34 thủ tục hành chính được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích. Đến hết tháng 12/2020 đã thực hiện tiếp nhận gần 13.400 hồ sơ thủ tục hành chính; chuyển trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ công ích gần 12.900 hồ sơ; Thực hiện công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Bộ Xây dựng, đến nay đã tích hợp trên Cổng dịch vụ công 46 dịch vụ, đạt tỷ lệ 40,82%.

Phấn đấu 100% dịch vụ công được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia

Trong thời gian tới, Bộ Xây dựng phấn đấu 100% các thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử được tích hợp với cổng dịch vụ công quốc gia; 100% phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính được thanh toán trực tuyến trên nền tảng thanh toán do cổng dịch vụ công quốc gia cung cấp. Hoàn thiện bộ phận một cửa, Trung tâm dịch vụ hành chính công đáp ứng yêu cầu “4 tại chỗ”.

Bộ cũng sẽ thường xuyên rà soát, chuẩn hóa dữ liệu và cập nhật đầy đủ nội dung, quy trình thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia; Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tích cực triển khai thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; quán triệt thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính qua các hình thức trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.

Bộ tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các đơn vị tham gia giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao hiệu quả vận hành Công dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử Bộ Xây dựng phục vụ kiểm soát, giải quyết thủ tục hành chính kịp thời.

Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 giúp tiết kiệm được ít nhất 3 ngày công, với 4 lần đi lại và thời gian, chi phí chuẩn bị hồ sơ. Nếu khoảng 50% người dân lựa chọn thực hiện trực tuyến thì số tiền tiết kiệm được hàng năm ít nhất là 54,6 tỷ đồng/năm.

Nguồn: baoyaydung.com.vn

NGÀNH HẢI QUAN: ĐẠT MỤC TIÊU TĂNG 15 BẬC VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH; HỖ TRỢ TRIỂN KHAI 6 THỦ TỤC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

*** Đạt mục tiêu tăng 15 bậc về chỉ số cải cách**

Tổng cục Hải quan ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021. Trong đó, mục tiêu cải thiện chỉ số giao dịch thương mại qua biên giới tăng từ 10 - 15 bậc so với năm 2019.

Theo Tổng cục Hải quan, nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP (ngày 01/01/2021), ngành hải quan quyết tâm thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp cải cách hành chính.

Trong đó, cơ quan hải quan tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Bảo đảm yêu cầu, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu thời gian, chi phí của người dân và doanh nghiệp trong việc tuân thủ thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, đáp ứng các yêu cầu, chuẩn mực quốc tế.

Đồng thời, cơ quan hải quan tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, rút ngắn quy trình xử lý, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước; giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước...

Ngành Hải quan chủ động tham mưu cho Bộ Tài chính đôn đốc, điều phối các Bộ, ngành để tiếp tục cải cách toàn diện quy định về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tổng cục Hải quan đặt mục tiêu nâng xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới đảm bảo năm 2021 hoàn thành nhiệm vụ tăng từ 10 - 15 bậc so với năm 2019. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo kế hoạch của Bộ Tài chính.

Tiếp tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, trong đó phần đầu áp dụng 100% cho dịch vụ công thiết thực đối với người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục chú trọng hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19.

Kế hoạch của ngành hải quan cũng hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia (NSW), Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020 và các thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo quốc gia về cơ chế một cửa ASEAN, cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại.

Trong năm 2021, để thực hiện mục tiêu Chính phủ đề ra, ngành Hải quan tiếp tục đơn đốc, điều phối các bộ, ngành thực hiện đầy đủ các giải pháp cải cách về quản lý, kiểm tra chuyên ngành.

Rà soát, cắt giảm thực chất, hiệu quả tối thiểu 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành, thực hiện công bố công khai, đầy đủ trên trang thông tin điện tử của bộ quản lý chuyên ngành về danh mục với mã HS tương ứng kèm theo Bảng so sánh danh mục mặt hàng quản lý, kiểm tra chuyên ngành trước và sau khi cắt giảm theo yêu cầu của Chính phủ.

Tổng cục Hải quan cũng đảm bảo việc chủ trì theo dõi tình hình, đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp cải cách về quản lý, kiểm tra chuyên ngành, đánh giá mức độ thay đổi và tác động đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Tại hội nghị triển khai nhiệm vụ ngành hải quan năm 2021, Thứ trưởng Bộ Tài chính Vũ Thị Mai nhận định, năm 2021 được dự báo có nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Do đó, Thứ trưởng đề nghị ngành Hải quan thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước và hiện đại hoá.

Bên cạnh việc phấn đấu thu vượt hơn 5% so với dự toán được Quốc hội giao là 315.000 tỷ đồng, ngành hải quan phải tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan, tạo thuận lợi thương mại và hoạt động xuất nhập khẩu để rút ngắn thời gian, chi phí thông quan hàng hóa...

*** Hỗ trợ triển khai 6 thủ tục thuộc Bộ Công thương quản lý qua Cơ chế một cửa quốc gia (NSW)**

Tại công văn số 889/TCHQ-CNTT (ngày 24/02/2021), Tổng cục Hải quan cho biết, từ ngày 25/02/2021, 6 thủ tục hành chính của Bộ Công thương sẽ được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia (NSW).

Cụ thể, thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu; cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1; cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

3 thủ tục liên quan đến mặt hàng thuốc là là thủ tục chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; thủ tục chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá.

Để tạo thông thoáng cho quá trình làm thủ tục, Tổng cục Hải quan yêu cầu cục hải quan tỉnh, thành phố phân quyền sử dụng chức năng tra cứu giấy phép trên hệ thống thông quan điện tử tập trung (E-Customs) đối với 6 thủ tục nêu trên cho cán bộ hải quan.

Đồng thời, Tổng cục Hải quan chỉ đạo cán bộ công chức hải quan tại các chi cục truy cập hệ thống thông quan điện tử tập trung (E-Customs) để tra cứu, khai thác kết quả xử lý đối với 6 thủ tục hành chính nêu trên và không yêu cầu doanh nghiệp nộp bản giấy đối với giấy phép đã được cấp thông qua NSW.

Nguồn: baochinhpvu.vn/thoibaotaichinhvietnam.vn

BỘ Y TẾ: ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ KỸ THUẬT ĐƠN THUỐC ĐIỆN TỬ

Bộ Y tế đang dự thảo Thông tư quy định Tiêu chí kỹ thuật đơn thuốc điện tử. Dự thảo nêu rõ: Đơn thuốc điện tử là đơn thuốc được lập, cập nhật, hiển thị, ký số, chia sẻ và lưu trữ bằng phương tiện điện tử đáp ứng các quy định thì có giá trị pháp lý như đơn thuốc giấy.

Mã đơn thuốc có chiều dài 12 ký tự (bao gồm chữ số và chữ cái) được tạo ra tự động theo cấu trúc quy định như sau: 5 ký tự đầu là mã định danh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa có mã định danh, thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đăng ký trên trang thông tin <http://donthuocquocgia.vn>, thời gian xem xét thủ tục tối thiểu là 3 ngày.

7 ký tự tiếp theo là mã đơn thuốc sinh ra tự động, các ký tự có thể là số từ 0 - 9 hoặc chữ a - z.

Dự thảo đề xuất tiêu chí kỹ thuật đơn thuốc điện tử bao gồm: Đặc tả dữ liệu đơn thuốc (đặc tả dữ liệu đơn thuốc thông thường; đặc tả dữ liệu đơn thuốc N; đặc tả dữ liệu đơn thuốc H); chuẩn phục vụ kết nối liên thông giữa cơ sở khám chữa bệnh với hệ thống thông tin quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn; chuẩn phục vụ kết nối liên thông giữa cơ sở cung ứng thuốc với hệ thống thông tin quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn...

Dự thảo nêu rõ, hệ thống thông tin quản lý cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (gồm hệ thống quản lý thông tin bệnh viện, hệ thống thông tin quản lý phòng khám, hệ thống quản lý hoạt động Trạm y tế xã) phải kết xuất được đơn thuốc điện tử bao gồm đầy đủ nội dung của đơn thuốc điện tử được đề quy định.

Phần mềm quản lý cơ sở cung ứng thuốc phải tương thích với đơn thuốc điện tử và thực hiện được các nội dung sau: 1. Tiếp nhận đơn thuốc điện tử; 2. Thực hiện bán thuốc theo đơn điện tử; 3. Kết xuất báo cáo đơn thuốc điện tử đã bán tới hệ thống thông tin quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn và các hệ thống thông tin khác có liên quan của Bộ Y tế.

Người có thẩm quyền phải kê đơn thuốc điện tử thay cho đơn thuốc giấy theo lộ trình quy định. Trường hợp người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người bệnh có yêu cầu đơn thuốc giấy thì người kê đơn thuốc có trách nhiệm in đơn thuốc giấy cho người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người bệnh.

Việc sử dụng đơn thuốc điện tử được thực hiện như đơn thuốc giấy.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: ĐƠN GIẢN HÓA 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, CHẾ XUẤT; VÌ NỀN HÀNH CHÍNH PHỤC VỤ

* Đơn giản hóa 15 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công nghiệp, chế xuất

Đây là kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 26/02/2020 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn TP. Hà Nội lĩnh vực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Năm 2020, tổng số thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội được rà soát là 62 thủ tục. Sau rà soát, có 15 thủ tục hành chính được đề xuất đơn giản hóa, đạt tỷ lệ 24%.

Đáng chú ý, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đã thực hiện đơn giản hóa thời gian giải quyết theo phương án được thông qua tại Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 4-2-2019 của UBND thành phố Hà Nội (giảm từ 15 ngày còn 10 ngày); đến nay, qua rà soát, đánh giá, tiếp tục được giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 9 ngày (giảm 1 ngày).

Thủ tục giãn tiến độ đầu tư đã thực hiện đơn giản hóa thời gian giải quyết theo phương án được thông qua tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội (giảm từ 15 ngày còn 10 ngày), qua rà soát, đánh giá, tiếp tục được giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 9 ngày (giảm 1 ngày).

Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đã thực hiện đơn giản hóa thời gian giải quyết theo phương án được thông qua tại Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 04/02/2019 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội (giảm từ 15 ngày còn 10 ngày); qua rà soát, đánh giá, tiếp tục được giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 5 ngày (giảm 5 ngày).

Thủ tục bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư đã thực hiện đơn giản hóa thời gian giải quyết theo phương án được thông qua tại Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 04/02/2019 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội (giảm từ 30 ngày còn 28 ngày); qua rà soát, đánh giá, tiếp tục được giảm thời gian giải quyết từ 28 ngày xuống 25 ngày (giảm 3 ngày).

Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đã thực hiện đơn giản hóa thời gian giải quyết theo phương án được thông qua tại Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 04/02/2019 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội (giảm từ 15 ngày còn 10 ngày); qua rà soát, đánh giá, tiếp tục được giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 9 ngày (giảm 1 ngày).

Trong lĩnh vực xây dựng, thủ tục cấp giấy phép xây dựng các công trình nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất cũng được giảm thời gian giải quyết từ 20 làm việc ngày xuống 10 ngày làm việc (giảm 10 ngày làm việc)...

*** Vì nền hành chính phục vụ**

Hòa cùng không khí thi đua lao động sản xuất đầu năm, đặc biệt là trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, các cơ quan, công sở thuộc TP. Hà Nội đã có nhiều giải pháp chủ động ứng phó hiệu quả với dịch bệnh, tuân thủ kỷ luật, kỷ cương trong công việc. Do đó, ngay sau những ngày nghỉ Tết Nguyên đán Tân Sửu đến nay, việc giải quyết hồ sơ hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp luôn thông suốt, bảo đảm tiến độ.

Thực tế đó đã được Đoàn kiểm tra công vụ TP. Hà Nội khẳng định khi kiểm tra đột xuất tại bộ phận “một cửa” của nhiều cơ quan, đơn vị trong những ngày làm việc đầu năm Tân Sửu. Qua đây cũng cho thấy tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, tận tình của đông đảo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng nền hành chính của Thủ đô ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại.

Tuy nhiên, để việc giải quyết hồ sơ hành chính thường xuyên nhanh chóng, thuận lợi, qua đó hoàn thành “nhiệm vụ kép” vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa góp phần phát triển kinh tế - xã hội, vẫn còn không ít việc cần làm. Trước mắt, các cơ quan, đơn vị cần thực hiện tốt Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về việc tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Cùng với đó, các sở, ngành, địa phương đẩy nhanh lộ trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tích hợp các dịch vụ công lên Cổng dịch vụ công quốc gia để vừa giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp, giúp tránh nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh, vừa tạo thuận tiện cho mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch hành chính với các cơ quan công quyền của thành phố.

Ngoài ra, mỗi cơ quan, đơn vị cần có kịch bản sẵn sàng trong bối cảnh dịch có thể kéo dài, để việc phục vụ người dân, doanh nghiệp được thông suốt, hiệu quả. Đồng thời, khẩn trương thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác được giao; xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, công sở; tiến hành kiểm tra, giám sát nội bộ việc thực hiện kỷ cương hành chính đối với các đơn vị trực thuộc...

Về phía cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là những cá nhân được giao trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính của công dân, tổ chức, ngoài không ngừng nâng cao trình độ, tinh thần làm việc nghiêm túc, ý thức trách nhiệm, tuân thủ quy định về đạo đức công vụ... thì cần trau dồi kỹ năng giao tiếp, thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc TP. Hà Nội và các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19.

Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị cũng cần tạo điều kiện tối đa cho các cơ quan báo chí tác nghiệp, nhằm kịp thời phát hiện những hành vi, biểu hiện tiêu cực, gây sách nhiễu, phiền hà cho cá nhân, tổ chức; biểu dương những điển hình tốt về tinh thần, thái độ phục vụ, trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố.

Về phía người dân, doanh nghiệp, cần tích cực hưởng ứng chương trình cải cách hành chính của thành phố, tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi giải quyết thủ tục hành chính để hạn chế tiếp xúc trực tiếp, tập trung đông người, góp phần giảm nguy cơ lây lan dịch bệnh.

Xây dựng nền hành chính phục vụ là quá trình liên tục, cần sự chung sức của các cơ quan, đơn vị và cả doanh nghiệp, người dân, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025) Đảng bộ TP. Hà Nội ngay từ những ngày đầu năm.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: GIẢI PHÁP ĐỂ ĐỘT PHÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo TS. Bùi Ngọc Hiền, Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh, đột phá trong cải cách hành chính phải hướng đến/để phục vụ người dân, doanh nghiệp thì mới đem lại hiệu quả/kết quả là thúc đẩy sự phát triển toàn diện của thành phố.

Một trong ba chương trình đột phá của TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2025 là “đột phá đổi mới quản lý”. Trong đó, Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh xác định hàng loạt đầu việc: Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, đột phá về thể chế, thủ tục hành chính...

Người dân, doanh nghiệp là trung tâm của cải cách hành chính

Để tạo bước đột phá trong cải cách hành chính, Đảng bộ và các cấp chính quyền thành phố trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 cần thể hiện rõ hơn mục tiêu cốt lõi trong cải cách hành chính là hướng tới phục vụ tốt nhất người dân, doanh nghiệp. Khi đã xác định “người dân là trung tâm của đô thị” thì người dân, doanh nghiệp cũng chính là trung tâm, là hướng đích/người thụ hưởng kết quả/thành quả của cải cách hành chính.

Do đó, các cấp hành chính, các cơ quan công quyền của thành phố cần rà soát, xác định những nội dung, nhiệm vụ hay thủ tục hành chính nào là trọng tâm để đột phá, tập trung thực hiện cải cách. “Phục vụ người dân, doanh nghiệp” không thể là câu khẩu hiệu, lời động viên tinh thần mà phải trở thành/thể hiện trong từng thái độ, hành vi và hành động cụ thể của cán bộ, công chức, viên chức.

Khi đã xác định người dân, doanh nghiệp là trung tâm của cải cách hành chính thì mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong từng hoạt động, từng công việc cụ thể phải hướng đến hai đối tượng này để phục vụ. Có như vậy cán bộ, công chức, viên chức mới là nhân tố thực hiện có kết quả việc cải cách hành chính.

Từ những đòi hỏi trên, từ chính quyền thành phố đến từng cơ quan cần xác định quy chuẩn, tiêu chí rõ ràng những phẩm chất, năng lực cần có ở từng nhóm/người cán bộ, công chức, viên chức... Trên cơ sở đó, thực hiện việc tuyển dụng, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của TP đáp ứng yêu cầu quản trị thành phố trong bối cảnh phát triển mới.

Xây dựng nền quản trị của chính quyền số

Trong nội dung cải cách hành chính trước nhất cần rà soát một cách khoa học, mạnh dạn bãi bỏ, cắt giảm hay đơn giản hóa các thủ tục hành chính để hướng tới tiết giảm thời gian, ngân sách, nguồn lực của chính quyền, người dân, doanh nghiệp. Thực hiện đúng theo lộ trình trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được xác định trong chương trình chuyển đổi số TP. Hồ Chí Minh.

Đây là nhiệm vụ - giải pháp quan trọng mà cấp ủy, chính quyền các cấp của TP. Hồ Chí Minh cần quan tâm, nhất quán trong lãnh đạo, chỉ đạo và quyết liệt, cụ thể trong triển khai thực hiện. Chuyển đổi số cần được coi là nhiệm vụ - giải pháp trọng tâm trong các hoạt động quản trị của chính quyền các cấp để hướng tới tầm nhìn đến năm 2030,

“TP. Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh với sự đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động của bộ máy chính quyền số, của các doanh nghiệp số và sự thịnh vượng, văn minh của một xã hội số”. Quá trình này đòi hỏi chính quyền thành phố cần xác lập khung pháp lý, mô hình và lộ trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực.

Nguồn: plo.vn

ĐÀ NẴNG: RÚT NGẮN QUY TRÌNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng ban hành Công văn số 950/UBND-SKHĐT về việc thống nhất với đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc rút ngắn quy trình, thủ tục hành chính nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc về thủ tục đầu tư đối với các dự án có nguồn vốn ngoài ngân sách.

Cụ thể, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng thống nhất chủ trương cho phép tiếp nhận, xử lý hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với các thủ tục có liên quan khác như thẩm định điều kiện giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cập nhật thông tin tại quyết định quy hoạch...

Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng phê duyệt chấp thuận chủ trương cho dự án sau khi nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục về đất đai, quy hoạch, hoàn thiện việc đánh giá môi trường sơ bộ... nêu trên.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra, thẩm định theo quy định, hướng dẫn nhà đầu tư bổ sung các thành phần còn thiếu trong quá trình thẩm tra, thẩm định dự án.

Về thời gian thẩm tra, thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng giao các sở, ngành liên quan như Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố... rút ngắn thời gian thẩm tra, thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án từ 15 ngày còn 5-7 ngày làm việc.

Đối với các trường hợp dự án phức tạp, tồn tại nhiều vướng mắc, đề nghị thực hiện nghiêm theo thời gian quy định của Luật đầu tư năm 2020.

Trước đó, vào ngày 09/02/2021, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng đã có công văn 509/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác liên ngành để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng Hồ Kỳ Minh làm tổ trưởng; Tổ Phó thường trực là bà Trần Thị Thanh Tâm, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, còn bà Nguyễn Thị Thanh Hương, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư làm Tổ phó.

Ngoài ra, còn có 38 thành viên thuộc tổ công tác liên ngành, như: Phó Giám đốc Sở Xây dựng Võ Tấn Hà, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Quang Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà Hoàng Sơn Trà....

Nguồn: phapluatplus.vn

THÀNH PHỐ BẮC NINH: HIỆU QUẢ “ỨNG DỤNG PHẢN ÁNH KIẾN NGHỊ” TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG

Sau 2 tháng triển khai “Ứng dụng phản ánh, kiến nghị cho người dân, doanh nghiệp trên thiết bị di động” (gọi tắt là “Phản ánh kiến nghị”), tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, hiệu quả mang lại rất tích cực trong công tác cải cách hành chính.

Ứng dụng này không chỉ giúp chính quyền giải quyết kịp thời những kiến nghị, phản ánh của người dân liên quan đến mọi mặt của đời sống xã hội, mà còn góp phần tăng cường sự tương tác giữa chính quyền với người dân, xây dựng chính quyền gần dân, vì dân.

Người dân gặp chính quyền qua điện thoại

Sau khi được cán bộ phường hướng dẫn cài đặt ứng dụng “Phản ánh kiến nghị”, chị Nguyễn Hà Linh, phường Suối Hoa, đã chụp ảnh, phản ánh việc tập kết vật liệu xây dựng gây lấn chiếm vỉa hè, lòng đường nơi chị sinh sống đến lãnh đạo phường. Sau khi tiếp nhận thông tin, chính quyền địa phương đã cử cán bộ phối hợp với đơn vị chức năng xuống hiện trường nhắc nhở, xử lý kịp thời.

Chị Nguyễn Hà Linh cho biết, trước đây người dân muốn phản ánh, kiến nghị tới chính quyền thì phải lên Ủy ban nhân dân phường hoặc chờ đến các kỳ tiếp xúc cử tri, họp tổ dân phố, dẫn đến nhiều phản ánh chậm giải quyết, ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân. Từ khi có ứng dụng phản ánh kiến nghị trên điện thoại, người dân có thể phản ánh những kiến nghị một cách dễ dàng, mọi lúc, mọi nơi.

“Chỉ cần một chiếc điện thoại thông minh có kết nối internet, tôi đã dễ dàng tải ứng dụng về sử dụng. Sau khi tải, tôi chỉ cần mở ứng dụng và bấm vào mục thêm phản ánh, cửa sổ mới sẽ hiện ra với những mục cụ thể, rõ ràng như: Tải ảnh vi phạm, chọn địa bàn, lĩnh vực, mô tả

vị trí vi phạm, phản ánh này sẽ được gửi đến trực tiếp lãnh đạo phường. Ứng dụng này không chỉ giúp người dân sử dụng một cách dễ dàng, mà nó còn có chức năng theo dõi, giám sát tiến độ giải quyết của lãnh đạo phường. Nếu tiến độ giải quyết chậm trễ, người dân sẽ tiếp tục gửi phản ánh, kiến nghị lên các cấp chính quyền”, chị Linh chia sẻ.

Trước đây, khi có việc cần kiến nghị, phản ánh, ông Ngô Văn Thịnh, ở phường Khắc Niệm, thường phải mất nhiều thời gian lên phường, đến nhiều bộ phận để phản ánh. Theo ông Thịnh, trước đây có nhiều sự việc xảy ra trên địa bàn người dân không dám phản ánh tới các cấp chính quyền vì sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân và gia đình. Đến nay, chỉ cần một chiếc điện thoại thông minh có kết nối internet, ông và mọi người dễ dàng phản ánh những kiến nghị của mình đến các cấp chính quyền mà không phải lo lắng.

“Ưu điểm lớn nhất của ứng dụng này là không hiện thông tin người phản ánh. Vì thế, khi phát hiện vi phạm mọi người dân đều có thể chụp ảnh, quay video hiện trường và gửi nội dung phản ánh lên ứng dụng tới các cấp chính quyền”, ông Thịnh nói.

Chia sẻ về hiệu quả của ứng dụng “Phản ánh kiến nghị” trên thiết bị điện thoại thông minh, ông Nguyễn Thanh Đôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Khắc Niệm cho biết, sau khi Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh triển khai ứng dụng “Phản ánh kiến nghị” trên điện thoại thông minh, phường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng. Qua 2 tháng triển khai, phường đã tiếp nhận 6 phản ánh, kiến nghị của người dân, tập trung ở các lĩnh vực trật tự đô thị, an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường.

Theo ông Đôn, khi phát hiện vi phạm, người dân chụp ảnh hoặc quay video hiện trường và gửi phản ánh lên ứng dụng. Sau đó, phản ánh đó sẽ được tự động gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường. Tiếp đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường sẽ giao việc cho cán bộ phụ trách xử lý. Sau khi xử lý xong vấn đề phản ánh của người dân, cán bộ sẽ chụp lại hiện trường và gửi hình ảnh, kèm thông tin đã xử lý lên hệ thống, tự động báo cáo kết quả cho người dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường biết.

Xây dựng chính quyền gần dân, vì dân

Theo Ủy ban nhân dân TP. Bắc Ninh, qua 2 tháng triển khai ứng dụng “Phản ánh kiến nghị” thành phố đã tiếp nhận khoảng 1.000 kiến nghị; trong đó 70% phản ánh, kiến nghị của người dân được giải quyết ngay và có phản hồi tích cực, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực về quản lý trật tự đô thị, an toàn giao thông, xây dựng, vệ sinh môi trường.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Suối Hoa Lê Hữu Hào cho biết, thời gian qua, những phản ánh, kiến nghị của người dân trên địa bàn phường ngày càng tăng về số lượng và phức tạp về tính chất, tập trung ở các lĩnh vực quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, xây dựng, an toàn giao thông, trong khi đó, phường không thể tăng cán bộ để xử lý, giải quyết những công việc này. Bên cạnh đó, việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân nhiều lúc còn chưa kịp thời, quy trình xử lý các kiến nghị còn nhiều chông chéo. Do vậy, việc ra đời của ứng dụng “Phản ánh kiến nghị” là rất cần thiết, tạo sự tương tác thân thiện, gắn kết, hiệu quả giữa chính quyền với người dân.

Theo ông Hào, người dân chỉ cần tải ứng dụng gửi nội dung phản ánh, ngay lập tức cán bộ phụ trách lĩnh vực sẽ tiếp nhận và xử lý phản ánh. Ứng dụng này có tính ưu việt hơn so với phản ánh, kiến nghị truyền thống, phải qua khâu trung gian, có bộ phận tiếp nhận rồi mới chuyển đến đơn vị chuyên môn để giải quyết. Điều này mất nhiều thời gian, dẫn đến việc xử lý phản ánh, kiến nghị bị chậm trễ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Khắc Niệm Nguyễn Thanh Đôn cho rằng, ứng dụng “Phản ánh kiến nghị” sẽ tiếp nhận mọi ý kiến của người dân chuyển đến các cấp chính quyền. Đây là kênh thông tin hữu hiệu, một camera giám sát, giúp lãnh đạo các cấp nắm được nhiều thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Chia sẻ về hiệu quả của việc ứng dụng “Phản ánh kiến nghị”, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh Nguyễn Mạnh Hiếu khẳng định, việc đưa vào vận hành ứng dụng góp phần tích cực trong công tác cải cách hành chính, tăng cường sự tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp qua thiết bị di động, qua đó góp phần xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm văn bản giấy tờ và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức trong quá trình giải quyết công việc.

“Chỉ cần mở ứng dụng, chúng tôi sẽ dễ dàng nắm bắt được mọi phản ánh, kiến nghị của người dân trên địa bàn thành phố; đồng thời, theo dõi tiến độ giải quyết những phản ánh, kiến nghị của lãnh đạo cấp phường. Đây là công cụ hữu hiệu góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước của lãnh đạo thành phố trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, xây dựng chính quyền gần dân, vì dân”, ông Hiếu nhấn mạnh.

Theo Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân TP. Bắc Ninh, hiện nay số lượng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân còn khá khiêm tốn so với những vấn đề thực tiễn cuộc sống. Thời gian tới, TP. Bắc Ninh sẽ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng; đồng thời ban hành văn bản chỉ đạo các phường thành lập “Tổ phản ứng nhanh” để giải quyết vấn đề mà người dân phản ánh, kiến nghị, trong trường hợp lãnh đạo phường, cán bộ chuyên môn đi vắng. Bên cạnh đó, thành phố hướng tới thành lập “Tổ phản ứng nhanh” ở các tổ dân phố, trong đó có sự tham gia của cấp ủy chi bộ, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể.

Nguồn: ttXVN

THANH HÓA: THÀNH PHỐ SẦM SƠN ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG VỤ VÀ PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Xác định vai trò quan trọng của công tác cải cách hành chính đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương, những năm qua, TP. Sầm Sơn đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng công vụ và hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Để công tác cải cách hành chính được triển khai sâu rộng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân TP. Sầm Sơn đã chỉ đạo cho các đơn vị, xã, phường tăng cường công tác tuyên truyền về nội dung cải cách hành chính năm 2020 và Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, trên Cổng thông tin điện tử thành phố và hệ thống truyền thanh. Qua đó, từng bước nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của công tác cải cách hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính theo dịch vụ công mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính viễn thông công ích của thành phố.

Trong công tác cải cách hành chính, thành phố tập trung triển khai thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước. Đồng thời, kịp thời sửa chữa, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ các quy định, hướng dẫn có liên quan đến thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tính đến cuối năm 2020, có 328 thủ tục hành chính được cập nhật, công khai tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân thành phố. Cùng với đó, công tác kiểm tra, công khai thủ tục hành chính cũng được thành phố triển khai hiệu quả, bảo đảm 100% thủ tục hành chính được cập nhật, công khai tại bộ phận một cửa. Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công dân được thực hiện theo nguyên tắc “Một thẩm định, một phê duyệt”.

Việc giám sát tại bộ phận một cửa được tiến hành triệt để. Do đó, tất cả các hồ sơ, thủ tục được tiếp nhận thuộc các ngành, lĩnh vực đều được thẩm định và ký phê duyệt tại một cửa (trừ các thủ tục theo quy định của pháp luật thuộc cơ quan thẩm quyền cao hơn phê duyệt mà không thể phân cấp, phân quyền). Quan hệ giữa các phòng, ban và bộ phận một cửa được thể chế hóa bằng quy chế phối hợp, tạo được sự gắn kết trách nhiệm trong việc giải quyết các công việc cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Việc áp dụng cơ chế “Một cửa” cũng góp phần giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức, công dân; đồng thời, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, tiết kiệm thời gian, kinh phí và công sức đi lại của người dân.

Với quy trình vận hành như vậy, nên nhiều thủ tục hành chính, hồ sơ đã giảm được thời gian giải quyết từ 30 - 40% so với trước đây. Trong năm 2020, tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân thành phố là 11.242 hồ sơ. Trong đó, hồ sơ trả lại là 115 (chiếm 1%) do thiếu chủng loại hồ sơ; hồ sơ đã giải quyết là 10.828 (chiếm 96,3%). Tổng số hồ sơ đã nhận tại Ủy ban nhân dân xã, phường là 63.418; trong đó, hồ sơ đã giải quyết là 63.165 (chiếm 99,6%), hồ sơ đang giải quyết trong hạn là 252 (chiếm 0,39%).

Trong năm 2020, TP. Sầm Sơn tiếp tục rà soát các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các xã, phường trên địa bàn. Thực hiện sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ không chuyên trách và chủ tịch các hội đặc thù cấp xã, phường; đồng thời, xây dựng kế hoạch bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, phường theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Thực hiện đúng số lượng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp được giao; luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ có thời hạn và bổ nhiệm lại cán bộ theo quy định. Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức được thành phố quan tâm. Chú trọng thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc trong các cơ quan, đơn vị.

Công tác cải cách tài chính công được thành phố đặc biệt quan tâm. Hiện, thành phố có 1 đơn vị đã thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/NĐ-CP. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan hành chính phát huy tính chủ động, sáng tạo trong sắp xếp, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả; cũng như phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Công tác hiện đại hóa nền hành chính có nhiều chuyển biến tích cực, trong đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước được thành phố triển khai hiệu quả, bảo đảm sự thông suốt trong quá trình xử lý công việc. Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008; ISO 9001:2015 được triển khai sâu rộng, bảo đảm chất lượng và hiệu quả công tác quản lý, điều hành. Đặc biệt, thành phố đã và đang tập trung đổi mới quy trình xử lý hồ sơ, văn bản, giải quyết thủ tục hành chính từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử. Kết quả, 100% cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân thành phố và 11/11 xã, phường đã thực hiện tiếp nhận và xử lý văn bản trên môi trường mạng. Qua đó, nâng cao chất lượng tiếp nhận, xử lý văn bản và tiết kiệm được thời gian, kinh phí trong thực hiện giao, nhận văn bản.

Nguồn: baothanhhoa.vn

THỪA THIÊN - HUẾ: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Đề hướng đến mục tiêu đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, ngày 21/9/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế ban hành Kế hoạch số 209/KH-UBND về phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, nhân lực trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh, gồm: Y dược, Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học, Khoa học xã hội và nhân văn.

Theo Kế hoạch, quan điểm phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ nhằm góp phần thực hiện thành công mục tiêu của định hướng phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể: Phát huy nguồn nhân lực khoa học và công nghệ là trụ cột quan trọng để phát triển nền kinh tế thông qua việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, các sáng chế, sáng kiến, tạo ra các sản phẩm khoa học và công nghệ. Đặc biệt, trong định hướng xây dựng tỉnh Thừa Thiên - Huế thành trung tâm khoa học và công nghệ của cả nước và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì việc phát huy vai trò nguồn nhân lực khoa học và công nghệ là rất quan trọng, là một trong những trụ cột thể hiện vai trò của khoa học và công nghệ là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ vừa đảm bảo tính hài hòa về cơ cấu theo ngành, khu vực, vừa đảm bảo theo hướng tập trung phát triển nhân lực cho các lĩnh vực ưu tiên như Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học, Y dược, Khoa học xã hội và nhân văn, phù hợp với

xu hướng phát triển của tỉnh Thừa Thiên - Huế; vừa có tính chiến lược dài hạn, vừa có tính thường xuyên, liên tục, phù hợp với yêu cầu phát triển của từng giai đoạn; bảo đảm gắn liền với việc quản lý và sử dụng, trọng dụng nhân lực nhằm phát huy đầy đủ năng lực, phẩm chất của công chức, viên chức, người lao động ngành khoa học và công nghệ.

Mục tiêu đề ra là phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại hóa công nghệ truyền thống; có nhiều công trình nghiên cứu giá trị trên các lĩnh vực khoa học và công nghệ; đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, góp phần xây dựng tỉnh Thừa Thiên - Huế trở thành trung tâm khoa học và công nghệ của cả nước. Cụ thể, phấn đấu đến năm 2025, trong mỗi lĩnh vực ưu tiên có từ 3 - 5 chuyên gia hàng đầu ở tầm quốc gia; cán bộ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đạt 12 - 15 người trên một vạn dân; có 10.000 lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Đến năm 2030, trong mỗi lĩnh vực ưu tiên có trên 05 chuyên gia hàng đầu ở tầm quốc gia; cán bộ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đạt trên 15 người trên một vạn dân.

Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ đến năm 2025 đối với một số nhóm nhân lực khoa học và công nghệ chủ yếu, gồm: Có ít nhất 30% có trình độ thạc sĩ và có ít nhất 2% có trình độ tiến sĩ trong đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ khối các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Có ít nhất 35% có trình độ thạc sĩ và có ít nhất 2,5% có trình độ tiến sĩ trong đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ các đơn vị sự nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 5%/năm; có ít nhất 50% có trình độ thạc sĩ và có ít nhất 14% có trình độ tiến sĩ. Có ít nhất 55% có trình độ thạc sĩ và ít nhất 34% có trình độ tiến sĩ trong đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ của Đại học Huế.

Để thực hiện hiệu quả định hướng và mục tiêu nêu trên, Kế hoạch đã đề ra 05 nhiệm vụ cụ thể, gồm: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; triển khai các hoạt động nhằm khuyến khích, hỗ trợ nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; tiếp tục hoàn thiện và thực thi thể chế, cơ chế, chính sách bảo đảm trọng dụng, phát huy tốt đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ; ưu tiên cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển về hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu sáng tạo của trí thức...

Trần Phương, Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên - Huế

KHÁNH HÒA: KHẮC PHỤC TỒN TẠI QUA KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế qua kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa yêu cầu, thời gian tới, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần nghiên cứu những mặt đã làm được, các kinh nghiệm, sáng kiến cải cách hành chính để tham khảo áp dụng tại đơn vị; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, có biện pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót một cách cụ thể và đánh giá hiệu quả. Đối với những vi phạm đã được nhắc nhở nhưng tiếp tục tái diễn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý...

Các đơn vị được kiểm tra công tác cải cách hành chính trong năm qua cần quán triệt, chỉ đạo cán bộ, công chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên phần mềm và hồ sơ giấy đồng bộ, thống nhất; cập nhật đầy đủ thông tin hồ sơ đầu vào, giấy tờ phát sinh trong quá trình giải quyết và kết quả giải quyết trên phần mềm Một cửa điện tử; nghiêm túc xin lỗi, hẹn lại thời hạn trả kết quả theo quy định. Bên cạnh đó, cần phối hợp chuyên trả hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử đồng bộ, đúng hạn, tránh để tổ chức, công dân đi lại nhiều lần, ảnh hưởng đến chỉ số hài lòng...

Kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2020 cho thấy, một số cơ quan, đơn vị chưa công khai đầy đủ thông tin thủ tục hành chính, thông tin đường dây nóng; tiếp nhận thành phần hồ sơ chưa đúng quy định; chưa tạo lập hồ sơ điện tử đầy đủ, chính xác ngay từ đầu vào; cập nhật thông tin hồ sơ chưa đồng bộ trên phần mềm. Cán bộ, công chức xử lý chưa nắm vững quy trình xử lý hồ sơ trên phần mềm hoặc thực hiện đối phó...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐỒNG NAI: TRIỂN KHAI CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ TẠI NHÀ

Với việc triển khai cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại nhà, người dân sẽ tiết kiệm được ít nhất 3 ngày công, với 4 lần đi lại và thời gian, chi phí chuẩn bị hồ sơ để thực hiện thủ tục.

Triển khai cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại nhà của tỉnh Đồng Nai là một trong những dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia mới được áp dụng thời gian gần đây.

Dịch vụ này cho phép người dân chỉ cần ngồi tại nhà đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, gửi hồ sơ kèm theo trực tuyến và đăng ký nhận kết quả (giấy phép xây dựng) tại nhà theo địa chỉ do mình yêu cầu, mà không phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước như trước đây.

Với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, người dân sẽ tiết kiệm được ít nhất 3 ngày công, với 4 lần đi lại và thời gian, chi phí chuẩn bị hồ sơ để thực hiện thủ tục.

Bên cạnh đó, còn có thể kê đến dịch vụ công “Kê khai, nộp lệ phí trước bạ và cấp đăng ký, biển số xe nhập khẩu” tại nhà. Theo đó, với dịch vụ này, người dân, doanh nghiệp hoàn toàn có thể ngồi tại nhà để thực hiện khai, nộp lệ phí trước bạ; đồng thời, chỉ cần đến cơ quan công an một lần để bấm biển số và lấy biển số, giấy chứng nhận đăng ký xe.

Như vậy, so với trước đây, đối với tất cả các xe, người dân có thể tiết kiệm ít nhất được 1/2 ngày công và 2 lượt đi lại để làm thủ tục khai, nộp lệ phí trước bạ; đồng thời, tiết kiệm được ít nhất 1 ngày công và 2 lượt đi lại để làm thủ tục cấp đăng ký, biển số xe.

Các dịch vụ “Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân” hay dịch vụ “Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng” cũng là những dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia mới được áp dụng trong thời gian gần đây. Với các dịch vụ này, người dân có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính (thuế, lệ phí trước bạ) trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai của mình hoặc người thân, giúp cắt giảm thời gian, chi phí đi lại...

Sự ra đời của những dịch vụ công mới này đã thể hiện rõ mục tiêu, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức và cơ quan thẩm quyền trong cung cấp dịch vụ công và đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cải cách hành chính.

Nguồn: doanhnghiepvn.vn

AN GIANG: CHUYỂN ĐỔI SỐ, CÔNG NGHỆ SỐ

Định hướng cho ngành thông tin và truyền thông trong giai đoạn 2021 - 2025, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Trần Anh Thư yêu cầu ngành Thông tin và Truyền thông phối hợp ngành có liên quan nỗ lực xây dựng tỉnh An Giang hướng đến triển khai Chính phủ điện tử, xây dựng nền tảng số vững chắc tạo tiền đề phát triển kinh tế số, công nghệ số, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và mọi mặt của đời sống xã hội.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Trần Anh Thư, trong thế giới phẳng như hiện nay, nhờ sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc về công nghệ thông tin đã làm thay đổi toàn diện mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Điều đó đưa đến nhận thức rằng, một quốc gia, một địa phương muốn phát triển, đi đầu trong mọi lĩnh vực cần có sự hoàn thiện về hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, đô thị thông minh nhằm tăng hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân thực hiện các thủ tục hành chính ngày càng nhanh và hiệu quả hơn, phát triển doanh nghiệp số giúp việc sản xuất hàng hóa và trao đổi, lưu thông ngày càng nhanh hơn, ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực then chốt, như: y tế, giáo dục, giao thông vận tải, sản xuất nông nghiệp... để đẩy nhanh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Định hướng cụ thể phát triển giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh sẽ đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính, tăng trưởng hàng năm duy trì trên 30%, tập trung 3 lĩnh vực (Logistics, thương mại điện tử, dịch vụ công), đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực hoạt động bưu chính; tập trung triển khai đề án “Thí điểm thực hiện và cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích tại địa phương” khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trên lĩnh vực viễn thông, cần xây dựng hạ tầng viễn thông bằng quang hóa đến hộ gia đình, phát triển mạng 5G đáp ứng yêu cầu kết nối đô thị thông minh, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Các doanh nghiệp viễn thông sẽ là lực lượng nòng cốt trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, an toàn và an ninh thông tin tại địa phương. Cùng với đó là phát triển rộng khắp dịch vụ thanh toán qua tài khoản viễn thông, đặc biệt tại địa bàn nông thôn, phân đầu phủ cập hầu hết người dùng điện thoại sử dụng thiết bị thông minh, sử dụng nhiều ứng dụng và các dịch vụ cơ bản của xã hội điện tử.

Trên lĩnh vực công nghệ thông tin, tỉnh sẽ triển khai Trung tâm Dữ liệu điều hành thông minh tinh hoạt động hiệu quả; xây dựng hoàn chỉnh trục kết nối liên thông, chia sẻ cấp tỉnh; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin “một cửa” điện tử tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh, phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% các giao dịch trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh được xác thực điện tử.

Từ năm 2021, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện áp dụng nhiều phương thức thanh toán phí không thu tiền mặt, nâng tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4/tổng số hồ sơ đạt từ 30% trở lên; phân đầu tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, hầu hết cán bộ, công chức, viên chức thanh toán các dịch vụ công bằng thanh toán điện tử; giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử; hầu hết các cuộc họp được thực hiện không giấy (phòng họp không giấy).

Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025, hướng đến 100% các điểm du lịch, các khu dịch vụ công cộng, các cơ quan nhà nước cung cấp hệ thống wifi miễn phí phục vụ nhu cầu kết nối của người dân, du khách. Trên 70% các trường học triển khai mô hình trường học thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập; 100% các Trường Trung học cơ sở trở lên phổ cập kiến thức tin học ứng dụng, tin học sáng tạo, an toàn - an ninh thông tin.

Thực hiện bệnh viện ứng dụng bệnh án điện tử, thanh toán điện tử, đăng ký khám, chữa bệnh qua mạng viễn thông - công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị bệnh nhân và quản lý y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Trên 50% các trung tâm mua sắm cung ứng nhiều dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Phổ cập kiến thức tin học ứng dụng; an toàn - an ninh thông tin từ hệ thống chính trị ra cộng đồng thông qua các tổ chức chính trị - xã hội và giáo dục phổ thông, qua đó hình thành thể hệ công dân điện tử, là nền tảng quyết định của xã hội điện tử phát triển, xã hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trên lĩnh vực công nghiệp ICT, phân đầu đưa doanh thu công nghệ thông tin tăng bình quân hàng năm trên 15%; đề xuất chính sách ưu đãi, hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút đầu tư phát triển; đề xuất thành lập khu công nghệ thông tin tập trung nhằm thúc đẩy doanh nghiệp số phát triển.

Nguồn: baoangiang.com.vn

QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ BÌNH ĐẲNG DÂN TỘC VÀ SỰ VẬN DỤNG, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM

Bình đẳng dân tộc là nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong cương lĩnh dân tộc. V.I.Lênin đã đưa ra nhiều nội dung về bình đẳng dân tộc trong một quốc gia đa tộc người như: bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, bình đẳng trên tất cả mọi lĩnh vực và phải được bảo đảm bằng pháp luật; xây dựng chế độ tự trị khu vực dân tộc ở những nơi có điều kiện và ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số. Bài viết nêu những tư tưởng có giá trị bền vững, đồng thời chỉ ra những nội dung cần bổ sung, phát triển trong quan điểm của V.I.Lênin về bình đẳng dân tộc nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam hiện nay.

1. Quan điểm V.I.Lênin về bình đẳng giữa các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc

V.I.Lênin luôn tuyên bố và khẳng định dứt khoát việc bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc trong một quốc gia trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. Bình đẳng dân tộc là bình đẳng về mặt quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó, V.I.Lênin nhấn mạnh việc bảo đảm bình đẳng về quyền lợi cho các dân tộc, đặc biệt là những dân tộc ít người: “Chúng ta đòi hỏi một sự bình đẳng tuyệt đối về mặt quyền lợi cho tất cả các dân tộc trong quốc gia và sự bảo vệ vô điều kiện các quyền lợi của mọi dân tộc ít người”(1). Như vậy, bình đẳng dân tộc gắn với việc bảo vệ quyền của người dân tộc thiểu số trong một quốc gia. Để bảo đảm sự bình đẳng về quyền lợi cho các dân tộc, đặc biệt là dân tộc ít người, V.I.Lênin phản đối bất cứ một đặc quyền dành cho một dân tộc nào: “Không có một đặc quyền nào cho bất cứ dân tộc nào, mà là quyền bình đẳng hoàn toàn của các dân tộc”(2); “Tất cả các dân tộc trong nước đều tuyệt đối bình đẳng và mọi đặc quyền của bất cứ dân tộc nào hoặc ngôn ngữ nào đều bị coi là không thể dung thứ và trái với hiến pháp”(3). Về nội dung của bình đẳng giữa các dân tộc, theo V.I.Lênin phải bảo đảm trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: “Một Nhà nước dân chủ không thể dung thứ một tình trạng áp bức, kiểm chế của một dân tộc này đối với bất cứ dân tộc nào khác trong bất cứ lĩnh vực nào, trong bất cứ ngành hoạt động xã hội nào”(4). Bình đẳng dân tộc gắn với việc bảo đảm quyền lợi của dân tộc thiểu số phải được thể hiện trong mọi lĩnh vực. Bình đẳng trong kinh tế là bảo đảm quyền lợi, lợi ích kinh tế, quyền được phân phối công bằng tư liệu sản xuất cũng như thành quả của sự phát triển cho tất cả các dân tộc. Bình đẳng trong chính trị là bảo đảm quyền của các dân tộc trong tham gia vào đời sống chính trị, hệ thống chính trị của đất nước. Bình đẳng trong văn hóa, xã hội là bảo đảm quyền hưởng các thành quả phát triển văn hóa, xã hội của đất nước, quyền được bảo vệ bản sắc văn hóa riêng của mỗi dân tộc. Trong khi khẳng định sự toàn diện, đầy đủ trong thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc, V.I.Lênin nhấn mạnh đến việc thực hiện bình đẳng dân tộc trong lĩnh vực văn hóa: “Một Nhà nước dân chủ phải thừa nhận vô điều kiện quyền tự do hoàn toàn của các ngôn ngữ dân tộc khác nhau và gạt bỏ bất cứ đặc quyền nào của một trong những ngôn ngữ đó”(5). Văn hóa của một dân tộc tộc người thể hiện ở phong tục, tập quán, tín ngưỡng và các sinh hoạt hằng ngày, trong đó thể hiện rõ nét ở ngôn ngữ riêng của tộc người đó. Ngôn ngữ là một thành tố của văn hóa, đồng thời là phương tiện truyền tải các giá trị, sinh hoạt văn hóa của tộc người đó. V.I.Lênin khẳng định quyền tự do sử

dụng ngôn ngữ riêng của các tộc người chính là quyền bình đẳng về văn hóa giữa các dân tộc. Quyền này thể hiện ở chỗ không có ngôn ngữ quốc gia nào có tính chất bắt buộc, các dân tộc được học ngôn ngữ của mình trong trường học, được sử dụng ngôn ngữ của mình trong mọi trường hợp ví dụ như tòa án... “Đảm bảo sự bình đẳng hoàn toàn giữa các dân tộc và không có một ngôn ngữ quốc gia có tính chất bắt buộc, đảm bảo cho dân cư có các trường học dạy bằng tất cả các ngôn ngữ địa phương”(6). Theo V.I.Lênin, bình đẳng dân tộc về mặt văn hóa không chỉ là việc các dân tộc được tự do sử dụng ngôn ngữ của mình, được bảo vệ bản sắc văn hóa riêng của mình mà còn là được hưởng công bằng các giá trị, thành tựu phát triển văn hóa chung của đất nước: “Tỷ lệ kinh phí chi tiêu cho nhu cầu văn hóa - giáo dục của các dân tộc ít người của một địa phương không thể thấp hơn tỷ lệ mà dân tộc ít người đó chiếm so với toàn bộ dân số của địa phương đó”(7).

Theo V.I.Lênin, để bảo đảm sự bình đẳng giữa các dân tộc, trước hết phải bằng việc ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, trong đó ghi nhận đầy đủ sự bình đẳng trước hết là về quyền lợi giữa các dân tộc: “Vấn đề bảo vệ quyền của một dân tộc thiểu số chỉ có thể được giải quyết bằng cách ban bố một đạo luật chung của Nhà nước, trong một nước dân chủ triệt để, không xa rời nguyên tắc bình quyền”(8). Pháp luật chính là cơ sở chắc chắn và có hiệu quả nhất để bảo vệ quyền của các dân tộc thiểu số. Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, thừa nhận sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các dân tộc trong mọi lĩnh vực là yêu cầu đầu tiên để bảo đảm bình đẳng dân tộc. Theo V.I.Lênin, không chỉ pháp luật trên mọi lĩnh vực đều phải thừa nhận sự bình đẳng giữa các dân tộc mà cần phải có một đạo luật riêng về vấn đề dân tộc, thừa nhận sự bình đẳng giữa các dân tộc. Pháp luật đó còn phải bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả cao, có chế tài loại bỏ những bất bình đẳng quyền lợi giữa các dân tộc. “Đảng dân chủ - xã hội đòi ban bố một đạo luật chung cho cả nước để bảo vệ các quyền của mọi dân tộc ít người ở bất kỳ nơi nào trong nước. Theo đạo luật đó, mọi biện pháp mà thông qua đó dân tộc nhiều người định tạo ra cho mình một đặc quyền dân tộc hoặc giảm bớt quyền của dân tộc ít người (trong lĩnh vực giáo dục, sử dụng một tiếng nói nào, trong ngân sách) đều phải được tuyên bố là không có hiệu lực, và kẻ nào thi hành biện pháp ấy sẽ bị trừng trị”(9). Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, nguyên tắc bình đẳng dân tộc được nêu lên trong tuyên ngôn dân quyền của nước Nga, sau đó được ghi vào Hiến pháp Liên Xô, quy định quyền bình đẳng của công dân Xô Viết, không phụ thuộc dân tộc, trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa.

Theo V.I.Lênin, việc xây dựng vùng tự trị dân tộc ở một số nơi trong quốc gia cũng là để bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc: “Hiển nhiên là người ta không thể quan niệm được một quốc gia hiện đại thật sự dân chủ mà lại không có một quyền tự trị cho mọi vùng có những đặc điểm quan trọng đôi chút về kinh tế hoặc về lối sinh sống và có một thành phần dân tộc riêng trong dân cư”(10). Thực hiện quyền tự trị ở một số vùng là để bảo đảm cho những chính sách là phù hợp với dân tộc đó, song không phải chỗ nào cũng có thể thiết lập quyền tự trị dân tộc mà V.I.Lênin đã đưa ra điều kiện để thành lập quyền tự trị là những vùng phải có những đặc thù riêng biệt về kinh tế, văn hóa hoặc một vùng rộng lớn chỉ có một thành phần dân tộc: “Một vùng gồm nhiều địa phương có những điều kiện địa lý, sinh hoạt hay kinh tế riêng hoặc có

thành phần dân tộc đặc biệt, có quyền thành lập một khu tự trị với một nghị viện tự trị của khu”(11). Như vậy, không nhất thiết phải thành lập những vùng tự trị ở những nơi không có những điều kiện trên. Thí dụ như ở Việt Nam, các dân tộc cư trú phân tán và xen kẽ, số xã chỉ có một dân tộc sinh sống là rất ít, không có một vùng rộng lớn nào mà chỉ có một dân tộc sinh sống, do đó không có điều kiện để thành lập các vùng tự trị như V.I.Lênin khẳng định. Việc thực hiện vùng tự trị cũng phải diễn ra một cách hòa bình và theo ý kiến của nhân dân vùng đó: “chỉ có dân cư địa phương mới có thể có ý kiến một cách hoàn toàn chính xác về tất cả những điều kiện ấy, và chính dựa vào ý kiến đó mà nghị viện trung ương của Nhà nước sẽ quy định biên giới của những khu tự trị và quyền hạn của các xây mư tự trị”(12). Theo V.I.Lênin, quyền tự trị này không mâu thuẫn và phá hoại tính thống nhất quốc gia: “Một nhà nước dân chủ phải thừa nhận quyền tự trị của các vùng khác nhau, nhất là những vùng và những khu có thành phần dân tộc khác nhau. Quyền tự trị đó không hề mâu thuẫn với chế độ tập trung dân chủ; trái lại, chỉ có nhờ quyền tự trị của các vùng mới có thể thực hiện được chế độ tập trung dân chủ thực sự ở một quốc gia lớn có nhiều thành phần dân tộc khác nhau”(13). Trên cơ sở luật pháp chung thống nhất, các vùng tự trị có thể xây dựng những biện pháp phù hợp với đặc thù dân tộc mình để bảo đảm tốt hơn quyền lợi của họ, thực hiện bình đẳng dân tộc.

V.I.Lênin còn đưa ra một vấn đề có tính nhân văn trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc tộc người, đó là việc thực hiện chính sách ưu tiên, ưu ái hơn đối với một dân tộc nhỏ hơn, kém phát triển. Bình đẳng dân tộc không có nghĩa là bình quân chủ nghĩa, cào bằng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các dân tộc, nhất là khi các dân tộc đang có sự chênh lệch lớn trên thực tế. Khi các dân tộc có trình độ phát triển không đều nhau, đòi hỏi chia đều về nghĩa vụ sẽ ngày càng làm gia tăng khoảng cách giữa các dân tộc. V.I.Lênin chỉ rõ cần có sự ưu tiên đối với các dân tộc kém phát triển hơn trong thực hiện một số nghĩa vụ hoặc trong phân bổ quyền lợi: “Không chỉ là ở chỗ tôn trọng quyền bình đẳng về hình thức của các dân tộc, mà còn ở chỗ phải chịu đựng sự không bình đẳng mà các dân tộc đi áp bức, dân tộc lớn phải chịu, để bù lại cho sự không bình đẳng đang hình thành thực tế trong cuộc sống. Người nào không hiểu điều đó, thì người đó không hiểu thái độ vô sản thực sự đối với vấn đề dân tộc, người đó về thực chất vẫn đứng trên quan điểm tư sản và do đó không thể không từng giờ từng phút trượt xuống quan điểm tư sản”(14). V.I.Lênin chỉ rõ, khi sự bất bình đẳng đang tồn tại trên thực tế, khi giữa các dân tộc, tộc người có sự phát triển không đồng đều thì việc ưu tiên cho dân tộc kém phát triển hơn (là sự không bình đẳng đối với dân tộc phát triển hơn) cũng chính là thực hiện bình đẳng dân tộc. Đây là một giá trị mà các Đảng Cộng sản cần nhận thức rõ trong hoạch định chính sách dân tộc trong một quốc gia dân tộc.

2. Sự vận dụng của Việt Nam và những vấn đề cần tiếp tục, bổ sung về thực hiện bình đẳng dân tộc trong bối cảnh mới hiện nay

Quan triệt tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về bình đẳng dân tộc, Đảng ta đặc biệt quan tâm việc thực hiện bình đẳng dân tộc ở Việt Nam. Địa bàn cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là ở miền núi, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và sinh hoạt, nên có sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc ở nước ta. Vì vậy, trước hết, Đảng ta khẳng định vấn đề then chốt và quan trọng nhất trong thực hiện bình đẳng dân tộc ở Việt Nam chính

là thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa các dân tộc hiện nay. “Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa dân tộc ít người và dân tộc đông người, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đều phát triển về mọi mặt, đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”(15). Trên cơ sở kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã chủ trương: “Để thực hiện trên thực tế quyền bình đẳng giữa các dân tộc, một mặt, pháp luật phải bảo đảm quyền bình đẳng đó, mặt khác, phải có chính sách và tạo điều kiện để nhân dân các dân tộc miền núi vươn lên mạnh mẽ, phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, coi trọng đào tạo cán bộ người dân tộc, tôn trọng và phát huy những phong tục tập quán và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc”(16). Đảng ta khẳng định xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, ghi nhận đầy đủ quyền của đồng bào dân tộc thiểu số là giải pháp quan trọng để thúc đẩy bình đẳng dân tộc. Bên cạnh đó, việc quan tâm, ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng dân tộc thiểu số cũng là giải pháp để thực hiện bình đẳng dân tộc: “Vấn đề xây dựng kinh tế miền núi là một bộ phận không thể thiếu của chính sách dân tộc của Đảng ta trong giai đoạn mới của cách mạng. Nó bảo đảm cho miền núi dần dần tiến kịp miền xuôi, cho các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc Kinh, thực hiện đầy đủ sự bình đẳng và tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc. Nó phù hợp với lợi ích thiết thân của các dân tộc miền núi, đồng thời cũng phù hợp với lợi ích thiết thân của toàn thể nhân dân lao động miền Bắc”(17). Khi miền núi còn kém phát triển thì chỉ có sự ưu tiên, quan tâm đầu tư của Đảng, Nhà nước đối với miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số mới tạo ra sự phát triển nhanh chóng, vượt bậc để đuổi kịp đồng bào dân tộc đa số, thực hiện mục tiêu tất cả các dân tộc đều được ấm no, hạnh phúc. Tập trung, ưu tiên mọi nguồn lực để phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nhiệm vụ quan trọng để thực hiện bình đẳng dân tộc, điều này tiếp tục được Đảng ta khẳng định trong văn kiện Đại hội XII: “tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, tây duyên hải miền Trung”(18).

Đảng ta cũng đã nhận thức được việc thực hiện bình đẳng dân tộc phải toàn diện trên tất cả các lĩnh vực và xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong từng lĩnh vực cụ thể. Bình đẳng trong chính trị là tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số được tham gia chính quyền và các cơ quan quyền lực nhà nước để họ có đại diện của mình. “Để thực hiện đầy đủ nguyên tắc các dân tộc bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, chính quyền ở xã phải gồm đủ đại biểu các dân tộc trong xã. Từ xã đến tỉnh, tùy theo nhân số các dân tộc ở địa phương nhiều hay ít mà định số đại biểu các dân tộc đó tham gia chính quyền (Nhưng cũng có khi ở địa phương có một dân tộc nào đó, tính nhân số thì rất ít, song cũng nên có đại biểu trong chính quyền để bảo đảm đoàn kết và thi hành chính sách cho khỏi thiên lệch). Đặt nghĩa vụ đóng góp công bằng cho các dân tộc, tuy nhiên không nên máy móc đặt mức nhất loạt mà phải chăm chú đối với các dân tộc trình độ sinh hoạt và giác ngộ còn thấp kém quá”(19). Đảng ta cũng chỉ ra những nội dung của bình đẳng dân tộc về mặt kinh tế được xác định là “Mở mang kinh tế các

vùng thiểu số, cải thiện đời sống cho họ, chú trọng tiếp tế những thứ cần thiết cho đời sống hàng ngày của họ”(20). Bảo đảm những lợi ích kinh tế và nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào dân tộc thiểu số là nội dung cốt lõi của bình đẳng dân tộc về mặt kinh tế. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc về mặt văn hóa là các dân tộc được tự do bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống, chữ viết của mình, được hưởng các thành quả phát triển văn hóa chung của đất nước “Văn hóa của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc sẽ được tự do phát triển tồn tại và được bảo đảm”(21); “Phát triển bình dân học vụ và phát triển văn nghệ dân tộc ở các vùng thiểu số, phổ biến việc la tinh hóa tiếng nói của các dân tộc chưa có chữ và bảo đảm việc dạy học bằng các thứ tiếng đó trong các trường của dân tộc thiểu số (nhất là ở các lớp dưới)”(22).

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thực hiện tự trị dân tộc, Đảng ta cũng đã chủ trương thực hiện tự trị dân tộc: “Cần quan niệm cho đúng vấn đề thành lập khu tự trị là để làm cho các dân tộc được bình đẳng trong một quốc gia thống nhất”(23). Thực tế chúng ta cũng đã từng thành lập khu tự trị Việt Bắc và khu tự trị Thái Mèo. Tuy nhiên, thực tiễn đã chứng minh những khu tự trị này không tạo sự thống nhất quốc gia và việc thành lập các khu tự trị là sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách vội vàng, chưa xem xét kỹ các điều kiện để thành lập. Vì vậy, hiện nay, chúng ta không tiếp tục thực hiện khu tự trị dân tộc nữa.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng ta về bình đẳng dân tộc, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước có nhiều chương trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số như chương trình 134, 135, 30a... Kết cấu hạ tầng miền núi đã có bước phát triển, đời sống của đồng bào ngày càng được bảo đảm tốt hơn. Việc quan tâm quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ người dân tộc thiểu số được các cấp ủy chú ý; số lượng, chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia vào hệ thống chính trị các cấp ngày càng tăng. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vùng miền núi được thực hiện thực chất hơn. Qua đó, quyền bình đẳng về chính trị giữa các dân tộc được bảo đảm. Chúng ta cũng tạo điều kiện và hỗ trợ vật chất, nguồn lực để giúp đồng bào bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của mình. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Đời sống vật chất của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số vẫn thấp hơn mặt bằng chung, người nghèo đa số là người dân tộc thiểu số, cứ hai người nghèo có một người dân tộc thiểu số. Trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số cũng thấp hơn nhiều so với đồng bào Kinh. Vì vậy, để thực hiện tốt bình đẳng dân tộc, chúng ta cần vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và bổ sung một số quan điểm phù hợp với thực tiễn nước ta.

Thứ nhất, cần bảo đảm nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc. Chúng ta cần hết sức tránh tư tưởng “dân tộc lớn” trong xây dựng, hoạch định các chính sách liên quan đến vấn đề dân tộc. Bởi lẽ, áp đặt tư tưởng, quan điểm của người dân tộc đa số cho dân tộc thiểu số dù với mong muốn tốt đẹp cũng là bất bình đẳng dân tộc.

Thứ hai, tăng cường sự giúp đỡ của dân tộc phát triển hơn cho những dân tộc kém phát triển hơn. Ở Việt Nam, để bảo đảm quyền lợi của người dân tộc thiểu số cần có sự giúp đỡ, hỗ trợ của dân tộc Kinh và các dân tộc khác phát triển hơn. Điều này đã được Hồ Chí Minh bổ sung, phát triển và thực tiễn đang khẳng định tính đúng đắn.

Thứ ba, phát huy vai trò của chính đồng bào dân tộc thiểu số, sự tự thân nỗ lực, cố gắng phấn đấu; khắc phục tâm lý tự ty, ỷ lại trông chờ trong thực hiện bình đẳng dân tộc. Thực tiễn thời gian qua đã chứng minh đây là nội dung rất quan trọng để đồng bào thiểu số tiến kịp đồng bào đa số, thực hiện bình đẳng dân tộc, tất cả các dân tộc đều no ấm, hạnh phúc. Đảng và Nhà nước cần có những chính sách tránh cho không mà có điều kiện để động viên họ, đồng thời cần giáo dục, vận động, tuyên truyền để nâng cao ý thức vươn lên của đồng bào.

Thứ tư, cần làm rõ hơn vai trò của Nhà nước, chính quyền và cán bộ địa phương trong thực hiện bình đẳng dân tộc. Nhà nước cần ban hành những chính sách, cơ chế phát triển mạnh mẽ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từ đó khắc phục khoảng cách chênh lệch, thực hiện bình đẳng dân tộc. Chính quyền và cán bộ địa phương khi triển khai các chính sách cần gắn bó với nhân dân để đưa ra những kế hoạch, biện pháp, đầu tư các nguồn lực có hiệu quả, có tính khả thi nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

TS. Hà Thị Thùy Dương, Học viện Chính trị khu vực IV

TS. Đinh Đức Duy, Trường Chính trị tỉnh Bình Dương

Nguồn: lyluanchinhtri.vn

Ghi chú:

- (1) V.I.Lênin: Toàn tập, t.23, Nxb Tiên bộ, Mátxcova, 1980, tr.266.
- (2), (3), (4), (5), (7), (11), (13) V.I.Lênin: Toàn tập, t.25, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.84, 157-158, 86, 86, 159, 157, 85 - 86.
- (6), (8), (10), (12) V.I.Lênin: Toàn tập, t.24, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.74, 182, 185, 190.
- (9) V.I.Lênin: Toàn tập, t.23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.399.
- (14) V.I.Lênin: Toàn tập, t.45, Nxb Tiên bộ, Mátxcova, 1978, tr.410
- (15) ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, t.37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.536.
- (16) ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, t.49, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.847.
- (17) ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, t.21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, tr.585.
- (18) ĐCSVN: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016. tr.164.
- (19) ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.269.
- (20), (22) ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.140, 140.
- (21) Văn kiện Đảng 1930 - 1945, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Hà Nội, 1977, tr.196.
- (23) ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, t.22, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.22, tr.503.

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ: XÁC LẬP NỀN TẢNG CÔNG DÂN SỐ

Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong đời sống xã hội, tạo lập nên một hệ cơ sở dữ liệu về dân cư tập trung, thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ quản lý nhà nước.

Giảm giấy tờ, chi phí và thời gian của công dân

Trao đổi với phóng viên Cổng thông tin điện Chính phủ, Thiếu tướng Tô Văn Huệ, Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06 - Bộ Công an) cho biết: Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân là một trong 6 cơ sở dữ liệu được ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, tạo nền tảng cho công tác quản lý hành chính nhà nước theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm giấy tờ công dân, giảm thời gian và chi phí giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và góp phần phát triển Chính phủ điện tử.

“Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư về dân cư có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong đời sống xã hội. Thông qua việc tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin cơ bản của công dân sẽ tạo lập nên một hệ cơ sở dữ liệu về dân cư tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương để dùng chung nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an sinh xã hội”, Thiếu tướng Huệ cho biết.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là căn cứ quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, đề xuất lộ trình đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm giấy tờ công dân, khắc phục tình trạng người dân phải sử dụng nhiều giấy tờ cá nhân nhưng lại không đem lại hiệu quả trong công tác giải quyết thủ tục hành chính. Việc tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu khi giải quyết các thủ tục hành chính sẽ thay thế cho việc phải xuất trình hoặc nộp bản sao có chứng thực các giấy tờ công dân khi thực hiện thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí và thời gian đi lại của Nhân dân, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Thông tin về dân cư được thu thập, cập nhật thường xuyên sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý dân cư, quản lý di biến động dân cư, hỗ trợ công tác tra cứu, xác minh về nhân thân của công dân, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

“Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được xây dựng với mục tiêu kết nối, chia sẻ thông tin về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các ngành, lĩnh vực trên toàn quốc, làm tăng khả năng khai thác, cập nhật thông tin về dân cư, hạn chế tối đa sự trùng lặp thông tin, giảm chi phí đầu tư từ ngân sách nhà nước đối với hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đồng thời, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ra đời cũng góp phần làm giảm khối lượng hồ sơ giấy tờ đang lưu trữ tại các cơ quan hành chính”, Thiếu tướng Huệ nhấn mạnh.

Đến ngày 01/7/2021 cấp 50 triệu thẻ Căn cước công dân

Về kết quả thực hiện, Thiếu tướng Tô Văn Huệ cho biết: Lực lượng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội Công an các đơn vị, địa phương đã bám sát kế hoạch của Bộ Công an với các mốc thời gian phải hoàn thành tính theo từng ngày và đến nay cơ bản hoàn thành những hạng mục công việc quan trọng.

Theo đó, đã tiến hành rà soát, xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan phục vụ 2 dự án. Tham mưu với lãnh đạo Bộ Công an, Chính phủ ban hành quyết định phê duyệt đầu tư, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán của 02 dự án với nguyên tắc chung bảo đảm “hiện đại, đồng bộ, bảo mật cao, tránh lãng phí”. Việc triển khai các gói thầu theo đúng quy định, đã triển khai thiết bị hàng hóa của Dự án tới Công an các đơn vị, địa phương bảo đảm đúng yêu cầu, tiến độ. Đồng thời, triển khai xây dựng, cải tạo, hoàn thiện hạ tầng Trung tâm dữ liệu khang trang, hiện đại với nhiều hạng mục cơ bản đã được hoàn thành như các phòng chức năng, xây dựng hệ thống bản đồ số, hệ thống phần mềm quản lý nội bộ của Trung tâm...

Bộ Công an bố trí nguồn nhân lực và tổ chức đào tạo tập huấn về quy trình; chuyển giao công nghệ cho cán bộ, chiến sỹ tham gia dự án; hoàn thành việc thực hiện kéo đường truyền đến tận cấp xã. Cơ bản đã hoàn thành việc thu thập thông tin dân cư, triển khai nhiều giải pháp bảo đảm thông tin dân cư chính xác, cập nhật thường xuyên theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”; phối hợp với nhà thầu chuyển đổi, đồng bộ vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hoàn thành thiết kế chi tiết hệ thống phần mềm của hệ thống.

Đặc biệt, đã hoàn thành việc nghiên cứu, sản xuất thẻ Căn cước công dân mới có gắn chip và mã QR với thiết kế mỹ quan, mang yếu tố lịch sử, truyền thống, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và nhất là bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định. Tổ chức triển khai thu nhận và cấp thẻ Căn cước công dân có gắn chip trên phạm vi toàn quốc, phấn đấu hoàn thành mục tiêu đến trước ngày 01/7/2021 cấp 50 triệu thẻ đối với các trường hợp đủ điều kiện được cấp thẻ.

Xác lập nền tảng công dân số

Trả lời Cổng thông tin điện tử Chính phủ, TS. Ngô Hải Phan, Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) nhấn mạnh: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có ý nghĩa rất quan trọng trong xác lập nền tảng công dân số, trong các quy định của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Qua đó, cắt giảm chi phí, tạo thuận lợi cho người dân trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thời gian tới, Văn phòng Chính phủ sẽ phối hợp với Bộ Công an, các Bộ, ngành và địa phương để tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giúp cắt giảm giấy tờ công dân trên cơ sở dữ liệu công dân điện tử.

“Để cơ sở dữ liệu này “sống” thì việc cập nhật dữ liệu thông tin về công dân thông qua việc giải quyết thủ tục hành chính của ngành công an, tư pháp rất quan trọng, quyết định sự thành công của việc duy trì, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”.

Bên cạnh đó, cần quan tâm hoàn thiện hệ thống thể chế thông qua việc thực thi các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính giấy tờ công dân đã được thông qua tại 19 Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ theo Đề án 896.

Nguồn: baochinhpvu.vn

KHẲNG ĐỊNH SỨ MỆNH CỦA KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Vai trò, sứ mệnh của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được khẳng định mạnh mẽ trong 6 nhiệm vụ và 3 đột phá chiến lược mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra.

Áp dụng khoa học - công nghệ để thúc đẩy tăng trưởng

Dù không phải là địa phương có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long nhưng TP. Cần Thơ là nơi hội tụ nhiều tiềm năng, lợi thế và đang có nhiều điều kiện thuận lợi để trở thành trung tâm khoa học - công nghệ về nông nghiệp của quốc gia, khu vực.

Quyết liệt triển khai chủ trương “làm cho khoa học - công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu”, 5 năm qua, TP. Cần Thơ đã bước đầu hình thành hệ sinh thái khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo thúc đẩy sự phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ vào nông nghiệp với hệ thống các trường, viện, các quỹ đầu tư khởi nghiệp, mạng lưới liên kết các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, sàn giao dịch công nghệ (Catex.vn), các sàn giao dịch nông sản...

Đặc biệt, các sản phẩm, dịch vụ khoa học - công nghệ của TP. Cần Thơ đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của thị trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long, của cả nước và một số sản phẩm có thể cạnh tranh với các sản phẩm nước ngoài...

Bí thư Thành ủy Cần Thơ Lê Quang Mạnh cho biết, niềm đáng mừng là xu hướng công nghệ toàn cầu và bối cảnh kinh tế - xã hội của vùng đang xuất hiện những cơ hội mới để khoa học - công nghệ về nông nghiệp tại TP. Cần Thơ có thể vượt qua những nút thắt trước đây và bước sang một giai đoạn phát triển cao hơn.

Không chỉ TP. Cần Thơ, với vai trò đầu tàu kinh tế cùng chủ trương phát triển kinh tế tri thức, trong thời gian qua, TP. Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách thúc đẩy các nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với cuộc sống, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo - nơi vừa có sự liên kết của các trường, viện nghiên cứu với các doanh nghiệp, vừa có vai trò của chính quyền trong hỗ trợ đầu tư mạo hiểm cho các dự án khởi nghiệp.

Thành phố Hồ Chí Minh thành lập và phát triển Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao, Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Trung tâm ươm tạo chuyên về trí tuệ nhân tạo, Công viên Khoa học và công nghệ tại Khu Công nghệ cao, Viện Khoa học và Công nghệ tính toán...

Riêng Khu Công nghệ cao đến nay đã thu hút 162 dự án với tổng mức đầu tư hơn 7,65 tỷ USD, giá trị sản xuất sản phẩm công nghệ cao năm 2020 đạt hơn 20 tỷ USD, năng suất lao động bình quân gấp 20 lần bình quân của thành phố và hơn 60 lần bình quân cả nước, thu hút nhiều tập đoàn đa quốc gia mạnh về công nghệ như Intel, Samsung, Nidec...

Đặc biệt, TP. Hồ Chí Minh đang nghiên cứu lập, xây dựng quy hoạch Khu đô thị sáng tạo tương tác cao phía đông gắn với việc thành lập TP. Thủ Đức. Khu vực này kỳ vọng góp phần thiết lập chuỗi giá trị gia tăng trên nền tảng công nghệ cao, hạ tầng kỹ thuật và xã hội hiện đại theo chuẩn quốc tế, hỗ trợ tài chính hiệu quả cho doanh nghiệp, là đòn bẩy và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; dự kiến sau khi thành lập và đi vào hoạt động, TP. Thủ Đức sẽ đóng góp 30% - 35% GRDP của TP. Hồ Chí Minh và chiếm khoảng 7% GDP cả nước.

Có thể thấy, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng góp quan trọng ở tất cả các ngành, lĩnh vực, các địa phương trong cả nước. Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp - TFP giai đoạn 2016 - 2020 đã tăng lên 45,2% so với mức 33,58% của giai đoạn 2011 - 2015 là 33,6%; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đã tăng lên 5,8%/năm so với giai đoạn 2011 - 2015 là 4,3%/năm. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020.

Những đóng góp về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận. Trong bảng xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2020, Việt Nam xếp hạng 42/131 quốc gia/nền kinh tế. Việt Nam tiếp tục giữ vị trí đầu trong nhóm 29 quốc gia có thu nhập trung bình thấp được xếp hạng GI năm 2020; trong 10 nước khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng thứ 3, sau Singapore và Malaysia.

Với tư duy nhạy bén, những năm qua, Đảng, Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đặc biệt ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

“Tư duy nhạy bén cũng như tinh thần của Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được khẳng định, nâng tầm trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và đổi mới sáng tạo có thể xem là một điểm nhấn của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, GS. TS. Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương nhận định.

Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích DN luôn đổi mới

Tuy nhiên, từ chủ trương, chính sách và thực tế đời sống thường còn một khoảng cách khá lớn. Để Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, để khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là đột phá chiến lược, GS. TS. Phùng Hữu Phú cho rằng, trong hoạt động thực tiễn, đổi mới sáng tạo phải được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực với nhiều giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, với lộ trình, bước đi được tính toán kỹ lưỡng, khoa học,

phù hợp với điều kiện thực tế đất nước; tránh nôn nóng, duy ý chí dẫn đến phiêu lưu, mạo hiểm, hoặc bàng quan, do dự, ngại khó, ngại khổ, chậm trễ, bỏ lỡ thời cơ phát triển.

Thời gian tới, Việt Nam cần ưu tiên thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong phát triển công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản trị..., từng bước hình thành kinh tế số, xã hội số, chính phủ số, tạo ra những giá trị mới và sức mạnh tổng hợp mới của đất nước.

Để làm được điều này, theo Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, những người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải đi tiên phong, nêu gương sáng dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì sự nghiệp chung. Đội ngũ trí thức, doanh nhân đóng vai trò nòng cốt trong lao động, sáng tạo. Cùng với đó, cần động viên, phát huy vai trò chủ thể và sức sáng tạo vĩ đại của Nhân dân; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam.

Từ thực tế tại địa phương, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Thành Phong cho rằng, cần ban hành các cơ chế, chính sách để hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Cơ chế, chính sách phải thực sự vừa khuyến khích nhưng vừa tạo ra sự đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn đổi mới dựa trên công nghệ mới và thúc đẩy nhanh chóng sự ra đời các doanh nghiệp mới, nhất là các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm mới, công nghệ mới; trong đó khâu then chốt là cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Đồng thời, đề xuất Chính phủ cần lựa chọn và có chính sách đặc thù đối với một số doanh nghiệp có khát vọng và bản lĩnh, có đủ năng lực và quy mô cho đầu tư, nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, tiên phong vươn tầm thế giới. Từ đó, dẫn dắt các doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị khu vực, chuỗi giá trị toàn cầu; từng bước làm chủ công nghệ, xây dựng thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh và hấp dẫn trong “sân chơi” toàn cầu.

Song song với đó, cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ mạnh dạn đổi mới công nghệ, quy trình trình sản xuất và quản lý (TP. Hồ Chí Minh hiện chỉ có khoảng 2% doanh nghiệp có quy mô lớn, 98% doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, tỉ lệ này đối với cả nước cũng gần tương tự).

Một khi doanh nghiệp coi trọng đổi mới sáng tạo, quan tâm đầu tư hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ sẽ có nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, từ đó góp phần lan tỏa ra xã hội, phát triển lực lượng lao động tay nghề cao, giàu chất xám, tri thức.

Xây dựng cơ chế vượt trội, đột phá

Ngay sau khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thành công tốt đẹp, Ban Cán sự Đảng, Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội nghị thông báo nhanh kết quả Đại hội, quán triệt công tác tư tưởng đến cán bộ đảng viên về kết quả và đặc biệt là Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ Lê Xuân Định cho biết, chưa bao giờ nội hàm về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo được thể hiện một cách rõ nét trong các nội dung văn kiện trình ở Đại hội lần này. Nhiều báo cáo tham luận trình bày tại Đại hội đã đề cập sâu sắc về nội hàm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo cả tầm tư duy chiến lược, định hướng chiến lược phát triển đất nước, thể hiện rất rõ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Triển khai Nghị quyết của Đảng, Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hóa ngay vào chương trình công tác của Bộ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ. Đặc biệt, năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành trong năm 2021 sẽ tạo tiền đề và kích lệ mạnh mẽ cho các năm tiếp theo.

Theo đó, Bộ Khoa học và Công nghệ chú trọng phối hợp sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo với các quy định khác có liên quan như thuế, đầu tư, đất đai... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo định hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Xây dựng các chính sách và thể chế đột phá cho việc thí điểm triển khai các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao.

Hoàn thiện quy định pháp luật, đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển thị trường các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, kinh tế chia sẻ, kinh tế số... theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính để phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, thực hiện tái cơ cấu và tổ chức triển khai các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia giai đoạn mới theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, hướng tới các chuẩn mực phù hợp với thông lệ quốc tế, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Đồng thời, đẩy mạnh thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia và tăng cường sự gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với doanh nghiệp để đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong sản xuất, kinh doanh; kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, phát huy vai trò của hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, gắn kết với các địa phương thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế-xã hội các địa phương.

Nguồn: baohinhphu.vn

THÁO GỠ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 140/2020/NĐ-CP

Ngày 30/11/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 140/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định số 140/2020/NĐ-CP).

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình yêu cầu Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương hướng dẫn các nội dung được giao tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP theo đúng chỉ đạo tại điểm 1 Văn bản số 60/VPCP-KTTH ngày 05/01/2021 của Văn phòng Chính phủ (Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương hướng dẫn các nội dung được giao tương ứng tại Khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP (hướng dẫn việc xác định giá trị thương hiệu, bao gồm cả giá trị văn hóa, lịch sử vào giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn) và tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP (hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa).

Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, kịp thời hướng dẫn xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định; trường hợp phát sinh vấn đề vượt thẩm quyền, hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp có văn bản phản ánh về Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo đúng quy định.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu báo cáo của Bộ Tài chính để hướng dẫn theo thẩm quyền đối với nội dung được giao tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ CÔNG AN: BÃI BỎ CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ MẬT

Ngày 19/02/2021, Đại tướng Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an ký ban Thông tư số 21/2021/TT-BCA bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành về danh mục bí mật nhà nước độ mật.

Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 58 văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, gồm:

1. Quyết định số 151/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 11 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Ngân hàng.
2. Quyết định số 637/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 12 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
3. Quyết định số 917/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 21 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Cán sự Đảng ngoài nước.
4. Quyết định số 918/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 21 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Đối ngoại Trung ương.
5. Quyết định số 30/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Tòa án nhân dân.
6. Quyết định số 31/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Tổ chức Trung ương.
7. Quyết định số 52/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
8. Quyết định số 168/2004/QĐ-BCA ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
9. Quyết định số 191/2004/QĐ-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Báo Nhân dân.
10. Quyết định số 322/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 07 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Tạp chí Cộng sản.
11. Quyết định số 409/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 05 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ.
12. Quyết định số 481/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 27 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Kiểm sát.
13. Quyết định số 482/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 27 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Cơ yếu.
14. Quyết định số 485/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 28 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Đài Truyền hình Việt Nam.
15. Quyết định số 486/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 28 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội.
16. Quyết định số 749/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 06 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.
17. Quyết định số 1261/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 08 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

18. Quyết định số 1279/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 10 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
19. Quyết định số 1307/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Đài Tiếng nói Việt Nam.
20. Quyết định số 1485/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Giao thông vận tải.
21. Quyết định số 109/2005/QĐ-BCA(A11) ngày 01 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
22. Quyết định số 479/2005/QĐ-BCA(A11) ngày 25 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.
23. Quyết định số 1254/2005/QĐ-BCA(A11) ngày 08 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Văn phòng Chủ tịch nước.
24. Quyết định số 1811/2005/QĐ-BCA ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.
25. Quyết định số 144/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 24 tháng 02 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
26. Quyết định số 214/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 24 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.
27. Quyết định số 269/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Kiểm toán nhà nước.
28. Quyết định số 329/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 11 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc.
29. Quyết định số 660/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 01 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.
30. Quyết định số 801/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
31. Quyết định số 1657/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.
32. Quyết định số 04/2007/QĐ-BCA(A11) ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia.
33. Quyết định số 650/QĐ-BCA(A11) ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Kế hoạch và Đầu tư.
34. Quyết định số 1534/2008/QĐ-BCA(A11) ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Công Thương.

35. Quyết định số 1856/2008/QĐ-BCA(A11) ngày 05 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Dân vận Trung ương và hệ thống công tác dân vận của Đảng.

36. Quyết định số 1857/2008/QĐ-BCA (A11) ngày 05 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ.

37. Quyết định số 1858/2008/QĐ-BCA(A11) ngày 05 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Thông tấn xã Việt Nam.

38. Quyết định số 2039/2008/QĐ-BCA(A11) ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Xây dựng.

39. Thông tư số 39/2009/TT-BCA(A11) ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Tuyên giáo Trung ương.

40. Thông tư số 73/2009/TT-BCA ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

41. Thông tư số 11/2010/TT-BCA ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lực lượng Công an nhân dân.

42. Thông tư số 35/2012/TT-BCA ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

43. Thông tư số 36/2012/TT-BCA ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Nội vụ.

44. Thông tư số 64/2012/TT-BCA ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

45. Thông tư số 29/2013/TT-BCA ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

46. Thông tư số 56/2013/TT-BCA-A81 ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Tài chính.

47. Thông tư số 08/2014/TT-BCA-A81 ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và Ban Nội chính Trung ương.

48. Thông tư số 09/2014/TT-BCA-A81 ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Trung ương Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng.

49. Thông tư số 12/2014/TT-BCA-A81 ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao.

50. Thông tư số 32/2014/TT-BCA-A81 ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Hội Nông dân Việt Nam.

51. Thông tư số 59/2014/TT-BCA-A81 ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

52. Thông tư số 63/2014/TT-BCA-A81 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ban Kinh tế Trung ương.

53. Thông tư số 08/2015/TT-BCA ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Thanh tra.

54. Thông tư số 67/2015/TT-BCA ngày 15 tháng 12 năm 2015 quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Y tế.

55. Thông tư số 11/2017/TT-BCA ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Giáo dục và Đào tạo.

56. Thông tư số 12/2017/TT-BCA ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Ủy ban kiểm tra Trung ương và Cơ quan Ủy ban kiểm tra Trung ương.

57. Thông tư số 09/2018/TT-BCA ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an về quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

58. Thông tư số 23/2019/TT-BCA ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Thông tin và Truyền thông.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2021.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thành phố Hà Nội:

Bà Trần Thị Nhị Hà, Thành ủy viên, Phó Giám đốc Sở Y tế được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Y tế.

Ông Nguyễn Thế Cường, Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy Bắc Từ Liêm được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.

Ông Đỗ Anh Tuấn, Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận Tây Hồ được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Bà Ngô Minh Hoàng, Phó Giám đốc Sở Du lịch được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Ngoại vụ.

Ông Nguyễn Anh Dũng, Thành ủy viên, Giám đốc Sở Ngoại vụ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

Ông Vũ Đăng Định, Thành ủy viên, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố được điều động đến nhận công tác tại Quận ủy Hoàn Kiếm.

Ông Nguyễn Khắc Hiền, Giám đốc Sở Y tế được nghỉ công tác từ ngày 01/3, chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo quy định.

Ông Tô Văn Động, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao được nghỉ công tác từ ngày 01/3, chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo quy định.

* Tỉnh Vĩnh Phúc:

Ông Trần Quốc Huy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Công Thương.

Ông Trần Việt Cường, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

Ông Phan Thế Huy, Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Xây dựng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ông Đỗ Hữu Vinh, Phó Trưởng phòng Phòng Công nghiệp và xây dựng, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

Bà Trần Huyền Trang, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ông Hà Văn Quyết, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Lập Thạch được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ông Lê Quý Dương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Ông Nguyễn Bình Khiêm, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Bà Ngô Thục Phương, Trưởng phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ông Đặng Công Hòa, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Tam Dương được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ông Phùng Ngọc Tuân, Trưởng Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông, Sở Giao thông vận tải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Ông Đào Đặng Hòa, Trưởng phòng Phòng Lãnh sự và người Việt Nam ở nước ngoài, Sở Ngoại vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ.

Ông Phan Tuệ Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường được điều động đến công tác tại Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch.

Bà Vũ Thị Bích Ngọc, Trưởng phòng Phòng Giáo dục mầm non, Sở Giáo dục và Đào tạo đến công tác tại Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo.

Nguồn: baochinhphu.vn